

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH

CÁC CỔ PHÁP ĐẠI ĐẠO
& CỔ THƯ TAM GIÁO
HIỂN TÀI
TRẦN VĂN RẠNG

GIÁO LÝ TÙNG THƯ 1974

Ebook được làm theo ẤN-BẢN phổ biến trên Website của **DAOCAODAI.INFO**. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gởi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAI.INFO** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngõ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 23/01/2014

Tâm Nguyên

CÁC CỔ PHÁP
ĐẠI ĐẠO
HIỂN TÀI
TRẦN VĂN RẠNG

MỤC LỤC

❖ CÁC CỔ PHÁP ĐẠI ĐẠO.....	11
▪ LỜI DẪN	13
▪ PHẦN THỨ NHẤT: CÁC CỔ PHÁP ĐẠO CAO ĐÀI	15
▪ I- CỔ PHÁP GIÁO TÔNG.....	16
1- LONG TU PHIẾN	16
2- PHÁT CHỦ	16
3- THƯ HÙNG KIỂM.....	17
▪ II – CỔ PHÁP HỘ PHÁP	19
1- BÌNH BÁT VU.....	19
2- PHÁT CHỦ	20
3- KINH XUÂN THU.....	20
▪ PHẦN THỨ HAI: CÁC CỔ THƯ TAM GIÁO	29
▪ SÁCH KHỔNG GIÁO – TRUNG DUNG	30
CHƯƠNG ĐẦU	
DỊCH ÂM.....	30
CHƯƠNG II	
QUÂN TỬ	31
CHƯƠNG III	
TRUNG DUNG KỶ CHÍ.....	31
CHƯƠNG IV	
TỬ VIẾT	31
CHƯƠNG V	
ĐẠO KỶ BẤT HÀNH.....	32
CHƯƠNG VI	

THUẦN ĐẾ.....	32
CHƯƠNG VII	
DƯ TRÍ	32
CHƯƠNG VIII	
NHAN HỒI.....	33
CHƯƠNG IX	
THIÊN HẠ	33
CHƯƠNG X	
TỬ LỘ	33
CHƯƠNG XI	
QUÂN TỬ CHI ĐẠO	34
CHƯƠNG XII	
ĐẠO BẤT VIỄN NHÂN	35
■ SÁCH LÃO GIÁO – ĐẠO ĐỨC KINH.....	36
CHƯƠNG 1	
ĐẠO KHẢ ĐẠO	36
CHƯƠNG 2	
THIÊN HẠ GIAI TRI MỸ	37
CHƯƠNG 3	
BẤT THƯỢNG HIỀN	39
CHƯƠNG 4	
ĐẠO XUNG NHI DỤNG CHI	40
CHƯƠNG 5	
THIÊN ĐỊA BẤT NHÂN	41
CHƯƠNG 6	
CỐC THẦN BẤT TỬ.....	42
CHƯƠNG 7	
THIÊN TRƯỜNG ĐỊA CỬU.....	43
CHƯƠNG 8	
THƯỢNG THIÊN NHƯỢC THỦY	44

CHƯƠNG 9	
TRÌ NHI DOANH CHI	45
CHƯƠNG 10	
TÀI ĐÌNH PHÁCH	46
CHƯƠNG 11	
TAM THẬP PHÚC	48
CHƯƠNG 12	
NGŨ SẮC LỊNH	49
CHƯƠNG 13	
SÙNG NHỤC NHƯỢC KINH	50
CHƯƠNG 14	
ĐẠO ĐỨC KINH	51
CHƯƠNG 15	53
CHƯƠNG 18	
TRÍ HƯ CỰC	54
CHƯƠNG 17	
THÁI THƯỢNG	56
CHƯƠNG 18	
ĐẠI ĐẠO PHỄ	57
CHƯƠNG 19	
TUYỆT THÁNH TRÍ KHÍ	57
CHƯƠNG 20	
TUYỆT HỌC VÔ ƯU	59
CHƯƠNG 21	
KHỔNG ĐỨC CHI DUNG	61
CHƯƠNG 65	
CỔ CHI THIÊN VỊ ĐẠO	63
CHƯƠNG 66	
GIANG HẢI SỞ DĨ NẴNG VI	64
CHƯƠNG 67	
THIÊN HẠ GIAI VỊ NGÃ	66

CHƯƠNG 77	
THIÊN CHI ĐẠO.....	68
CHƯƠNG 78	
THIÊN HẠ NHU NHƯỢC.....	69
CHƯƠNG 81	
TÍN NGÔN BẤT MỸ.....	70
■ PHÁP BẢO ĐÀN KINH CỦA LỤC TỔ.....	73
■ CHƯƠNG I	
NGHI VẤN.....	73
■ CHƯƠNG II	
ĐỊNH TUỆ.....	78
■ CHƯƠNG III	
TỌA THIÊN.....	80
■ CHƯƠNG IV	
SÁM HỐI.....	82
■ CHƯƠNG V	
ĐÓN TIỆM.....	88
■ CHƯƠNG VI	
PHÓ CHÚC.....	96
■ LỜI KẾT.....	101



TÒA-THÁNH TÂY-NINH

CÁC CỔ PHÁP ĐẠI ĐẠO

CÁC CỔ PHÁP ĐẠI ĐẠO

&

CỔ THƯ TAM GIÁO

Soạn Giả:

HT TRẦN VĂN RẠNG

Cao học Sử

Giáo Lý Tùng Thư

1974

Tái Bản Trên Internet

2002

LỜI DẪN

DẠO CAO ĐÀI CHỦ TRƯỞNG “*TAM GIÁO QUI NGUYÊN*”, nên lấy biểu tượng của Tam Giáo làm cổ pháp.

Cổ pháp trong Đạo chia làm đôi: Cổ pháp Hộ Pháp và Cổ pháp Giáo Tông. Cổ pháp Hộ Pháp: lấy biểu tượng Tam giáo bên Cửu Trùng Đài: Bình Bát vu (Phật), Phát chủ (Tiên) và Xuân Thu (Nho).

Cổ pháp Giáo Tông: lấy biểu tượng đặc trưng của Đạo Cao Đài bên Hiệp Thiên Đài: Long Tu Phiến của Thượng Phẩm, Phát chủ và Thư Hùng Kiếm của Thượng Sanh. Vì sao vậy? Đó là Bí pháp.

Các cổ thư Tam Giáo: Theo phiên họp tại Khảo cứu vụ ngày 24-3-1974 đã quyết định:

– Khổng giáo chọn sách TRUNG DUNG vì trong bài «*Khai Kinh*», trong quyển «*Kinh Thiên Đạo – Thế Đạo*» có câu:

*“Gốc bồi lòng làm phải làm lành
TRUNG DUNG Khổng Thánh chỉ rành”*

– Lão giáo chọn sách ĐẠO ĐỨC KINH vì trong bài kinh “*Tiên giáo*” có câu:

*“Từ khi đông lai
Quãng truyền ĐẠO ĐỨC”*

Dạy truyền bá rộng rãi ĐẠO ĐỨC KINH của Đức Lão Tử.

– Phật giáo chọn sách “*Pháp Bảo Đàn Kinh*” vì trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển nhắc tới Đức Lục Tổ Huệ Năng và trong Kinh “*Thích giáo*” có câu:

*“Phá nhứt khiêu chi huyền quang
Tánh hiệp vô vi.”*

Dạy về tu thiền. Thiền định của Lục Tổ Huệ Năng giống như thiền của Đạo Cao Đài do Bà Bát Nương dạy “*Phải tìm cái tịnh trong cái động*” và hành giả Cao Đài “*Muốn tịnh lúc nào cũng được*”.

Mời chư đọc giả vào thăm vườn hoa Cổ pháp và Cổ thư sẽ thấy rõ những điều vừa giải lý ở trên.

Tòa Thánh, ngày 15 tháng 8 năm Giáp Dần

(dl 30 – 9 – 1974)

TRƯỞNG NHIỆM GIÁO LÝ BTĐ

TRẦN VĂN RẠNG

PHẦN THỨ NHỨT
CÁC CỔ PHÁP ĐẠO CAO ĐÀI

Thuyết trình tại Khảo Cứu Vụ ngày 24-3-1974

Hiệu đính, ngày 25-4-1974

Để giúp đỡ người tự học và tìm học của một số tín đồ trẻ, nhất là của những người ngoại Đạo, chúng tôi cố gắng giải thích về Cổ Pháp của Đạo Cao Đài, hầu góp phần trong muôn một vào việc xây dựng nền Đạo Pháp.

Cổ Pháp có hai nghĩa:

1. Cổ Pháp là Pháp luật xưa (*Xem “Lịch Sử Luật Pháp”, của Vũ Văn Mẫu*)
2. Cổ Pháp là Bí pháp xưa của các Tôn giáo. Ở đây ta phải hiểu theo nghĩa tổng hợp, dùng Bí pháp xưa của các Tôn giáo là để biểu tượng chánh pháp ngày nay và nhất giữ luật lệ theo Tam giáo.

Theo Tân Luật Pháp Chánh Truyền có ba Cổ Pháp của Tam giáo là: Bình Bát Vụ, Cây Phất Chủ và Bộ Xuân Thu (*xem Pháp Chánh Truyền, Paris, Gasnier, 1952*) thường gọi là Cổ Pháp Hộ Pháp. Cổ Pháp của Thượng Phẩm là Long Tu Phiến và Cổ Pháp của Thượng Sanh là Thư Hùng Kiếm và Phất Chủ (*xem Pháp Chánh Truyền, Paris, Gasnier, 1952*), gộp chung các Cổ Pháp Thượng Phẩm, Thượng Sanh gọi là Cổ Pháp Giáo Tông.

I- CỔ PHÁP GIÁO TÔNG

Như trình bày trên, Cổ Pháp này gồm có: Long Tu Phiến ở giữa, Phất Chủ bên trái (trong nhìn ra) và Thư Hùng Kiếm bên mặt.

1- LONG TU PHIẾN

Long Tu là râu rồng, Phiến là quạt tức quạt râu rồng, nhưng thật sự chỉ làm bằng 36 lông cò trắng kết thành. Về Bí pháp thì Đức Cao Thượng Phẩm giải thích như vậy:

«Long Tu Phiến là cây quạt do điển khí của Tam Thập Lục Thiên kết thành, quạt ấy tiết ra một điển lực có ảnh hưởng đến cuộc tiến hóa của quần linh. Chọn thần nào trong sạch thì nương theo đó mà siêu nhập Cực lạc thế giới.

*«Trái lại, Chọn thần nào luyện ái tà mị thì phải lánh xa, mà đi lân đến U Minh cảnh giới. Cả cơ «**thu**» và cơ «**xuất**» của Long Tu Phiến với Chọn thần đều do luật đồng khí tương cầu mà thành tựu, nghĩa là, nếu Chọn thần Đạo Đức thì Long Tu Phiến hấp dẫn đến gần và đưa vào Cực Lạc thế giới, còn nếu Chọn thần nào trọng trước thì Long Tu Phiến đẩy ra xa và lần hồi đi đến cảnh U Minh đen tối»*

■ (Bà Đầu Sư Hương Hiếu, Đạo Sử Xây Bàn, 1967)

2- PHẤT CHỦ

Phất chủ hay phất trần là cây chổi quét sạch bụi trần gian, vốn của Thái Thượng Lão Quân.

Phất chủ là điển khí của Thất Bửu Điều Trì Cung kết hợp dùng để sửa trau Chọn thần trở nên thanh khiết (Bà Đầu Sư Hương Hiếu, Đạo Sử Xây Bàn, 1967). Nếu xét theo từ nguyên: Phất là quét, chủ là con chủ. Phất chủ là cây

chổi quét làm bằng lông đuôi con chũ. Một loài thú họ nai, hình vóc như con hươu mà lớn hơn. Thường con chũ đi trước, đàn hươu theo sau. Vì đuôi nó dài chấm đất nên đi đến đâu nó quét bụi đến đó. Vì thế, các vị Tiên thường dùng lông đuôi con chũ làm phất trần (quét bụi trần), một bửu bối của Thái Thượng Lão Quân, giáo chủ Lão giáo.

3- THƯ HÙNG KIẾM

Thư hùng kiếm gồm hai cây: gươm Thư (mái) và gươm Hùng (trống) trong Nữ Trung Tòng Phận có câu:

*Gươm Thư giúp sức gươm Hùng,
Điểm tô nghiệp cả con Rồng cháu Tiên.*

Điều đó chứng tỏ Gươm này trị thế. Theo văn thư số 264-TQTS của Ngài Bảo Thế. Chưởng Quân Ban Thế Đạo có thích nghĩa Thư Hùng Kiếm là gươm Thần Huệ nghiêm trị xảo trá, khử trừ tà mị.

Theo Thánh Giáo dạy thì Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung ngươn linh là Lý Ngưng Dương, Đức Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư ngươn linh là Hồn Chung Ly (tên Quyền) và Đức Thượng Sanh Cao Hoài Sang ngươn linh là Lữ Đồng Tân (*Thông tin Cao Đài Xuân Tân Hợi, 1971*).

Theo lịch sử Bát Tiên, Lý Ngưng Dương là học trò của lão Tử (tên Lý Nhĩ) mà Lão Tử vốn là ngươn linh Thái Thượng Lão Quân nhật giữ Phất chủ. Vì muốn cho Lý Ngưng Dương học Đạo Tiên nên Lão Tử xui khiến cho học trò của Lý Ngưng Dương đốt xác thầy, khi trở lại trần gian, Lý Ngưng Dương phải nhập vào xác của 1 người ăn mày có bầu rượu và gậy tre. Đức Lý Ngưng Dương mới biến hai vật ấy thành bầu hồ lô và gậy sắt và

trở thành hai Bửu tháp. Hai Bửu tháp này đắp trên nóc lầu chuông và lầu trống.

Lý Ngưng Dương thành Tiên thứ nhất nơi Bồng Lai đảo vì Bồng Lai có 8 động nên cần 8 Tiên chủ sự. Do đó, mà Lý Ngưng Dương độ được học trò là Chung Ly Quyển đời Hớn nên gọi là Hớn Chung Ly. Hớn Chung Ly thường dùng Long Tu Phiến và sau độ được học trò là Lữ Đồng Tân, Lữ Đồng Tân vốn người tài hoa, Hớn Chung Ly (tự Vân Phòng) phải làm phép huỳnh lương (nấu báp) cho Lữ Đồng Tân nằm chiêm bao thấy vía đi thi, đỗ Trạng, cưới vợ giàu rồi bị vu oan, giết mình tỉnh mộng mới chịu đi tu Tiên.

Bình thời Lữ Đồng Tân thổi tiêu, nhưng thường dùng Thư Hùng Kiếm để trừ gian trá như việc quăng gươm pháp giết hai con của Long Vương khi Ma Yết ăn cắp Ngọc Bàng của Lam Thế Hòa (ngươn linh của Ngài Phối sư Thái Bính Thanh) (*Lời xác nhận của Ngài Khai Pháp, chiêu mừng 2 Tết Giáp Dần*). Đức Hộ Pháp nhấn mạnh rằng đó chỉ là thể pháp có giới hạn để tượng trưng cái Bí pháp vô cùng. (*Đại Đạo Bí Sử*)

Người Đạo nên xem đó là những biểu tượng, là cái móc mà con người nhắm để đạt đến hoặc tránh xa chớ không nên xem là cứu cánh. Ai trong chúng ta đã thấy Dạ Xoa hay quỷ sứ hoặc Satan. Nhưng khi cần nói cái xấu thì người ta cho rằng xấu như dạ xoa, dữ như quỷ sứ, ác như Satan, ta liền thấy ngay cái xấu, sự dữ, sự ác đến cùng tốt.

Tất một lời, Cổ Pháp Giáo Tông đã thể hiện đầy đủ chủ thuyết “Đạo Đời tương đắc” về Bí pháp cũng như Thể pháp.

II – CỔ PHÁP HỘ PHÁP

Như trình bày trên, Cổ Pháp này là Cổ Pháp tượng trưng cho Tam giáo gồm có: Bình Bát Vu, Cây Phất Chủ và Bộ Xuân Thu.

1- BÌNH BÁT VU

Bình Bát Vu là Cổ Pháp của Phật giáo, cái bình của Khất Sĩ Tịnh độ tông, là y bát Chánh Truyền của Ngũ Tổ tức Hoàng Nhãn Sư Tổ (*Đại Đạo Sử Cương, Quyển 2*)

“*Phật học từ điển*” có kể chuyện một vị Đạo Nhơn già tên Tài Tùng đến Cầu Đạo nơi Ngài Tứ Tổ Đạo Tín Thiên Sư. Nhưng vì Tài Tùng già nên Tứ Tổ không dạy Đạo mà phải thực hiện chữ nhẫn đầu thai kiếp sau. Tài Tùng bèn đến ngủ nhờ nhà con gái người họ Châu khiến nàng này thọ thai hoang, nên bị cha mẹ đuổi đi. Nàng nhẫn nhịn chịu khổ sau sinh một trai. Lúc đứa nhỏ 7 tuổi, hai mẹ con đi xin ăn, gặp Tứ Tổ gọi đứa nhỏ là “*vô tánh nhi*” đứa nhỏ đáp là “*Ngã Phật tánh*” (Tôi họ Phật). Nhờ đó, Tứ Tổ nhớ lời hứa xưa mà xin đứa trẻ về nuôi đặt tên là Hoàng Nhãn và truyền y trang, Bát Vu choặng làm tổ thứ năm (Ngũ Tổ). Đời Đường Cao Tông (661), Ngũ Tổ Hoàng Nhãn truyền y bát cho Lục Tổ Huệ Năng, ba năm sau thì tịch (663). (*Đoàn Trung Côn, Phật Học Từ Điển, tập II, 1967*)

Theo “*Pháp bảo Đàn Kinh*” Huệ Năng sinh vào đời Đường Thái Tông (638) năm 24 tuổi ngộ Đạo đến trụ trì tại chùa Bảo Lâm (Trung Hoa) được Ngũ Tổ truyền y bát để làm Lục Tổ theo Đông Độ (còn theo các Tổ Sư thì Huệ Năng là Tổ thứ 33). Khi mang Bình Bát Vu đi khất thực

là để xin cái Pháp, cái Đạo để nuôi lấy cái huệ mạng. Việc khổ thực do Phật truyền cho chư đệ tử xuất gia là thực hiện Đạo trung thứ để diệt hai điều thái quá là: tránh xa sung sướng thái quá và khổ hạnh thái quá. Theo “*Kinh An Lạc*” việc khổ thực của Phật đem lại 10 điều lợi ích cho nhân sanh: dứt khổ, đặng vui, dứt kiêu ngạo, nguyện đầy bát, cúng thí phân phát; những chúng sanh bị ngăn ngại thì đặng gặp Phật, năng tri bát, làm nghi thức cho chúng sanh, dứt sự chê bai, trừ sự tham ái.

2- PHÁT CHỦ

Là Bửu Tháp của Lão giáo, còn gọi là Phát trần, kết bằng lông đuôi hươu.

Về ý nghĩa xin xem ở trên.

3- KINH XUÂN THU

Là Cổ Pháp của Khổng giáo.

1- THỜI ĐẠI XUÂN THU:

Thời Đại Xuân Thu (722- 480 trước Tây lịch) khởi thủy từ khi nhà Châu lên ngôi Thiên Tử. Đây là chế độ phong kiến, chia thiên hạ ra 70 nước để phong thưởng cho các công hầu, hoàng tộc làm chư hầu. Các nước chư hầu thời đó đều được quyền tự chủ. Tuy nhiên hằng năm phải triều cống phẩm vật cho Thiên tử nhà Châu. Thêm vào đó khi có chinh phạt nước nào, thì phải theo lệnh Thiên tử đem quân đi tòng chinh. Các nước chư hầu lớn thì độ bằng hai tỉnh ở nước ta, còn nhỏ thì bằng một vài quận. Vì nước Trung Hoa thuở ấy ở quanh vùng sông Hoàng Hà.

Từ khi nhà Châu suy vong dời đô về miền đông xứ

Lạc Ấp lệnh của Thiên tử không còn ai theo. Các chư hầu lại nảy nở thêm 160 nước. Thế nên chiến tranh dành đất, dành nhân dân ngày càng khốc liệt, cương thường đạo lý suy vi, nhân dân đồ thán. Các nước Tấn, Tề, Tống, Tần, Sở, Ngô, Việt..... xưng bá rồi nước này xâm chiếm nước kia. Thiên tử nhà Châu không đủ quyền lực ngăn cấm. Sử Tàu gọi thời này là Xuân Thu thời đại.

Nguyên nhân thúc đẩy Đức Khổng Phu Tử soạn ra Kinh Xuân Thu là vì đời loạn, đạo Đế Vương chinh nghiêng con người mê sa công lợi, không còn ai nghĩ đến nghĩa nhân. Để cứu vớt thiên hạ, để sửa đổi giềng mối, nên Đức Khổng đưa ra học thuyết mới phát minh đạo Thánh hiền lấy nhân, nghĩa, lễ, trí, tín mà dạy đời, lấy cương thường mà hạn chế dục vọng.

2- TRIẾT LÝ KINH XUÂN THU

«*Xuân Thu dĩ Đạo danh phận*»: Sách Xuân Thu là để nói danh và phận (Trang Tử), đó là ý kiến của bậc đại hiền triết thời đại chiến quốc, chớ không phải là bộ sách đơn thuần chép sử như người đời thường hiểu. Ba chủ đích của sách là: chính danh tự, định danh phận và ngụ bao biếm. Chủ ý của Đức Khổng là tôn Thiên Tử nhà Châu, định chế độ quân chủ. Vì theo quan niệm của Ngài: trong một nước không thể không có quyền quân chủ. Nhưng Ngài lại lo rằng những bậc Vua Chúa thường hay lạm dụng quyền lợi của mình mà làm những điều tàn bạo. Thế nên Ngài mới lấy cái nguyên của dương khí mà thống trị Trời Đất, lấy Trời mà nghiêm trị Vua, Chúa. Vì đó, sách trình bày một cách đặc thù hạn chế quyền của nhân quần. Để thực hiện điều này Ngài mới nương theo các điều thiên tai dị thường như nhật nguyệt thực, hiện

tượng sao chổi, động đất, hỏa sơn..... Để cảnh giác những bậc nhân quân, Ngài muốn những bậc ấy thấy các điềm dữ đó mà kinh sợ rồi tự tu tỉnh, tự cứu làm những điều nhân nghĩa.

Ngài còn đưa ra thuyết đổi loạn ra trị, tránh những bạo hành và trừng trị kẻ gian ác. Có người trách Ngài biến việc của Thiên tử, hoặc nhờ Ngài phổ hóa những điều tai dị để mê hoặc người Đời vì nhân gian cho Ngài là Vua không ngôi. Chính cái khổ tâm đó mà Ngài nói: «*Tri ngã giả kỳ duy Xuân Thu hồ, tội ngã giả kỳ duy Xuân Thu hồ*»: người biết ta cũng chỉ ở Kinh Xuân Thu, người trách tội ta cũng chỉ ở Kinh Xuân Thu (Mạnh Tử – Đàng Văn Công hạ). Bởi lẽ không hiểu rõ cái uyên thâm cốt cán ấy mà các Hán nho chú trọng cái thuyết âm dương Ngũ Hành tạo nên các mê tín dị đoan.

Hàm súc ý nghĩa sâu xa như vậy, nên các danh nho xưa nay vẫn kính trọng bộ sách ấy, Cao Đài Giáo coi là một Cổ Pháp cũng vì lẽ ấy. Chủ thuyết quân chủ, các nước Á-Đông hầu hết hấp thụ ít nhiều tinh thần Kinh Xuân Thu. Các sử gia cũng thường theo lối biên niên mà chép sử.

3- NGÔN TỬ TRONG KINH XUÂN THU

Chúng ta phải xác nhận rằng dân tộc Việt Nam nói chung và Đạo Cao Đài Giáo nói riêng đã tiềm ẩn xác nhận tinh thần dùng chữ trong Kinh Xuân Thu. Mỗi chữ Đức Khổng đều cân nhắc dùng đúng chỗ, đúng nghĩa. Sự khen chê là cốt ở những chữ Ngài dùng. Chỉ một chữ chê thì tiếng xấu muôn đời, một chữ khen mà sanh nêu vạn cổ, nên kẻ đương thời mới nhận định: «*Nhất tự chi bao, vinh ư hoa cốn, nhất tự chi biếm, nhục ư phủ việt*» một

chữ khen thì vinh như cái áo hoa cổn Vua ban, một chữ chê thì nhục hơn tội búa rìu.

Bàn về chữ chết thì Thiên Tử chép là băng, chư hầu chép là hoǎng, Vua cướp ngôi mà chết thì chép là tồ, quan ngay chính mà chết thì chép là tốt, quan nịnh thì chép là tử. Về danh phận người nào chính đáng thì ghi rõ chức phẩm và tên tỵ, còn danh không chánh thì dấu làm phẩm trật nào cũng chỉ ghi có tên tỵ mà thôi.

4- CAO ĐÀI GIÁO VỚI KINH XUÂN THU

Chủ thuyết của Cao Đài Giáo là rút tinh hoa của các tôn giáo chính truyền. Vì hấp thụ được tinh thần nhân nghĩa trị loạn của Kinh Xuân Thu mà Kinh Xuân Thu được liệt hạng vào hàng Cổ Pháp, trong Cổ Pháp Hộ Pháp. Đạo Cao Đài lại được khai vào thời Hạ ngươn mặt kiếp loạn lạc, con người đánh mất lương tâm, xã hội không còn giai tầng quân, sư, phụ, con mǎng cha, lừa mẹ, dân nước không tuân lệnh nhà cầm quyền, nhà lãnh đạo chẳng lấy nhân nghĩa, lẽ phải trị nước. Các nhà giáo -lãnh tranh quyền ảnh hưởng. Hậu quả máu đổ ngoài biên thù, giữa thành đô, ngay cả chốn tôn nghiêm, tu hành chỉ còn là cái «mốt» của thời đại hoặc để lợi dụng tập thể. Xem thế, xã hội hôm nay băng hoại có khác chi thời đại Xuân Thu.

Hình ảnh Xuân Thu xuất hiện trong Cao Đài Giáo như một cảnh tỉnh, con người đã đánh mất lương tri, tim trần đầy thù hận thì chỉ có gương thương yêu nhân nghĩa mới có thể kéo họ ra khỏi vực thẳm. Ngày nay, người ta còn nhắc đến điếm lạ như vĩ tinh xuất hiện, chọn ngày lành tháng tốt để xây dinh thự, để khánh thành; đó chẳng qua là tiềm lực của Kinh Xuân Thu thúc đẩy con người

hãy coi chừng Trời phạt.

Nhưng có một điều làm cho tất cả chúng ta phải suy nghĩ: đó là chủ đích của Kinh Xuân Thu tôn trọng quân quyền, còn khi lập Cao Đài Giáo, Đấng Chí Tôn ban hai câu liên "*Cao Thượng Chí Tôn Đại Đạo Hòa Bình Dân Chủ Mục; Đài Tiên Sùng Bái Tam Kỳ Cộng Hưởng Tự Do Quyền*", thì chủ trương dân chủ. Như vậy đâu là lý ứng của sự kiện?

Đi sâu vào tinh thần Kinh Xuân Thu thì chúng ta mới thấy là quân quyền. Đức Khổng Tử quan niệm một cách rộng rãi; "*Phàm người ta đã quần tụ với nhau thành xã hội thì tất phải có quyền tối cao để giữ kỷ cương cho cả đoàn thể. Cái quyền ấy gọi là quân quyền, tức là quyền chủ tế cả một nước.*

Ở trong nhà thì con phải hiếu với Cha, Mẹ; ở trong nước thì thần dân phải trung với quân. Hai chữ trung quân không nên theo như người ta thường vẫn hiểu là chữ trung với người làm để làm vương mà thôi, nhưng có thể theo nghĩa là ta trung với cái quân quyền trong nước. Theo nghĩa rộng ấy thì bất cứ ở vào thời đại nào, hai chữ trung quân vẫn có nghĩa chính đáng. Có lòng trung ấy thì dân mới yên và nước mới trị, miễn là quân quyền không trái với lòng dân là được» (Trần Trọng Kim, Nho Giáo, quyền Thượng, Sài Gòn, Tân Việt in lần thứ 4).

Xem thế thì quân quyền theo Đức Khổng Tử không khác với dân quyền; miễn là làm sao trị dân cho dân được no ấm, chính sự được công bình. Tư tưởng chính trị của Khổng giáo là tư tưởng dựa trên nền tảng phụ hệ và dân chủ... xem dân chúng là nguồn trí tuệ cao nhất, lấy dân chúng làm căn bản. (Trần Quang Thuận, Tư Tưởng Chính

Trị Trong Triết Học Khổng Giáo, 1961)

Cao Đài Giáo tổ chức theo chế độ nào? Tuy hai là một, tuy một mà hai. Bất cứ ở tôn giáo nào cũng phải tôn trọng thần quyền, muốn được vậy thì phải có triều nghi tế lễ Trời Đất, cái việc mà ngày xưa chỉ có Thiên tử mới được trần thiết. Về hình thức thì Cao Đài Giáo, có triều nghi có giai tầng đẳng cấp, áo mão các tín đồ gần như chế độ quân chủ ngày xưa.

Dân chủ hay quân chủ cũng không thể gán ghép cho một tôn giáo. Tôn giáo muôn đời vẫn là tôn giáo có cái đặc thù riêng của nó, có những Bí pháp chính truyền, hóa dân bằng luân lý, bằng đường lối đạo đức bất di bất dịch.

Với Kinh Xuân Thu, Cao Đài Giáo đã nhận được những gì? Nhìn tổng hợp lấy tinh thần để phân tích, chúng ta thọ hưởng bao giá trị.

1. Định chế nhân nghĩa:

Về điểm này Đức Khổng Tử đã nói: “*Ngô đạo nhất dĩ quán chi*”. Đạo của ta suốt từ đầu tới cuối chỉ có một mà thôi. Đạo nhất quán ấy gọi là trung thứ hay nhân nghĩa cũng đều do đạo nhân mà ra cả. Có nhân thì thông suốt cái thiên lý thuần nhiên quán xuyên từ tư tưởng đến hành động không có cái gì là không hợp với cái Đạo nhất thể. Từ ngữ nhân nghĩa được coi là một định chế trong chủ thuyết của Cao Đài Giáo. Một định chế được coi như là một định đề hằng đúng mà tất cả mọi tín hữu phải noi theo.

2. Giá trị danh xưng:

Điều này hiển nhiên, không ai chối cãi trong Cao Đài Giáo hằng loạt từ ngữ danh xưng từ thấp lên cao; tiểu đệ, tiểu muội, hiền đệ, hiền muội, hiền huynh, hiền

tỷ. Đại huynh từ Phối sư trở lên: “*Trong Thánh Thể của Chí Tôn, từ Giáo Hữu tới Đầu sư, Chương Pháp, chỉ Giáo Tông mới được quyền là Anh Cả mà thôi*”. (Đức Hộ Pháp, thuyết đạo ngày 15-4-Quý Tỵ). Còn về danh phận, ai dù phẩm trật cao mà không phể đời hành đạo vẫn không được liệt vào lịch kỷ niệm.

3. Thuyết loạn trị trật tự xã hội:

Muốn tạo lập một xã hội trật tự có cơm ăn áo mặc, những giáo điều khuyên răn, gương nhân từ khiêm cung của hàng giáo lãnh không, chưa đủ, mà phải hành động, phải biết đau cái đau của nhân loại, phải biết khổ cái khổ của người bản hàn. Vả lại, Đạo Cao Đài lại nêu câu cứu khổ:

*“Phật vì thương đời mà tìm cơ giải khổ
Tiên vì thương đời mà bày cơ thoát khổ
Thánh vì thương đời mà dạy cơ thọ khổ
Thần vì thương đời mà lập cơ thắng khổ
Hiền vì thương đời mà đoạt cơ tòng khổ”*

Đức Hộ Pháp đã nói: «*Cây cờ cứu khổ của Đạo Cao Đài là thương yêu và công chánh. Phải thực hiện được hai điều ấy thì Hòa bình và Hạnh phúc mới đến với chúng ta đặng*».

Tóm lại, các cổ pháp trong Đạo Cao Đài lấy những bảo vật của Tam giáo thuộc hữu vi làm hình thức để biểu tượng các vô vi, vô ảnh cho nhân sanh hình dung mà tu tâm dưỡng tánh hầu tiến tới Đạo mà đạt đến cái lý mẫu nhiệm của tào đốn.

Xin kết lại rằng:

CÁC CỔ PHÁP ĐẠO CAO ĐÀI

I. Cổ Pháp Giáo Tông

II. Cổ Pháp Hộ Pháp:

1. Bình Bát Vu (Phật giáo)
2. Phất Chủ (Lão giáo)
3. Kinh Xuân Thu (Khổng giáo)

PHẦN THỨ HAI CÁC CỔ THƯ TAM GIÁO

CỔ PHÁP GIÁO TÔNG BAO GỒM CỔ PHÁP Thượng Phẩm về Thiên đạo và Cổ Pháp Thượng Sanh về Thế đạo. Tu theo Thiên đạo thì linh hồn được giải thoát về cõi Thiêng liêng hằng sống, còn tu theo Thế đạo thì đạt tới Đại đồng Nhân loại.

CỔ PHÁP HỘ PHÁP hay Cổ Pháp Tam Giáo: Phật, Lão, Nho. Phép xưa ba Đạo chọn lấy tinh hoa: TRUNG ĐẠO của Phật giáo là tâm vật bình hành; TẾ VẬT của Lão giáo là lấy chỗ dư bù chỗ thiếu để quân bình xã hội; TRUNG DUNG của Khổng giáo là không chênh phải trái, thực hiện được ba đạo Trung đó thì thiên hạ thái bình. Vả lại, Trung Dung là tư tưởng Đại đồng trong triết học Khổng giáo. Người đệ tử Cao Đài từ Khai đạo cho đến nay, tu thân theo 3 con đường Tam giáo mà vốn một đó, mỗi ngày bốn lần tụng niệm: “*Trung dung Khổng Tánh chỉ rành...*” Sau đây, chúng tôi trích nguyên văn các sách liên hệ về việc tu theo con đường Đại Đạo đó. **Khổng giáo** chọn **Trung Dung**; **Lão giáo** chọn **Đạo Đức Kinh** và **Phật giáo** chọn sách thiên định: **Pháp Bảo Đàn Kinh** của Huệ Năng vì Thánh ngôn trân trọng Đức Lục Tổ.

Mong các đồng đạo tìm thấy đôi phút thanh tâm tâm hồn qua các trang sách này.

HT. TRẦN VĂN RẠNG

SÁCH KHỔNG GIÁO – TRUNG DUNG

CHƯƠNG ĐẦU

DỊCH ÂM

Trung dung

(Chu - Hi chương cú)

Tử Trình – tử viết: bất thiên chi vị trung, bất dịch chi vị dung; trung giả thiên hạ chi chính đạo, dung giả thiên hạ chi định lý. Thử thiên nãi Khổng môn truyền thụ tâm pháp, Tử Tư khủng kỳ cứu nhi sai dã, cố bút chi ư thư, dĩ thụ Mạnh tử; kỳ thư thủy ngôn nhất lý, trung tán vi vạn sự, mật phục hợp vi nhất, phóng chi tắc di lục hợp, giai thực học dã. Thiện độc giả, ngoạn sách nhi hữu đắc yên, tắc chung thân dụng chi, hữu bất năng tận giả hĩ.

DỊCH NGHĨA

Sách trung dung

(Chi Hi chia từng chương, từng câu)

*Thầy Trình tử nói rằng: không lệch gọi là trung, không thay đổi gọi là dung; trung là đường chính trong thiên hạ, dung là lẽ nhất định trong thiên hạ. Thiên này là tâm pháp của học trò đức Khổng nghe thầy dạy mà truyền lại. Thầy Tử Tư sợ lâu ngày sai đi, nên chép vào sách mà truyền cho thầy Mạnh tử. Sách này bắt đầu nói về một lẽ, tờ giữa tản ra làm muôn việc, sau cùng hợp lại một lẽ, rải ra thì nó đầy cả sáu “**hợp**”, cuốn lại thì nó trở về đầu vào nơi kín, ý vị nó không cùng mà đầu là điều thực học. Kẻ khéo đọc ngẫm nghĩ tìm mà hiểu được, thì dùng trọn đời cũng không hết vậy.*

CHƯƠNG II QUÂN TỬ

Dịch âm: Trọng Ni viết: Quân tử trung dung, tiểu nhân phản trung dung. Quân tử chi trung dung dã, quân tử nhi thời trung; tiểu nhân chi trung dung dã, tiểu nhân nhi vô ky đạn dã.

Dịch nghĩa: Đức Trọng Ni nói rằng: Người quân tử giữ theo đạo trung dung, kẻ tiểu nhân phản lại đạo trung dung đã có cái đức quân tử lại giữ cho hợp lẽ vừa của từng thời còn kẻ tiểu nhân dù theo đạo trung dung đi nữa cũng vẫn có cái lòng tiểu nhân mà không kiêng sợ gì cả.

CHƯƠNG III TRUNG DUNG KỲ CHÍ

Dịch âm: Tử viết: trung dung kỳ chí hĩ hồ, dân tiến năng cứu hĩ.

Dịch nghĩa: Đức Thánh nói: đạo trung dung thất cùng tột lâu rồi, loài người ít theo được.

CHƯƠNG IV TỬ VIẾT

Dịch âm: Tử viết: Đạo chi bất hành dã, ngã tri chi hĩ, trị giả quá chi, ngu giả bất cập dã; đạo chi bất minh dã, ngã tri chi hĩ, hiền giả quá chi, bất tiểu giả bất cập dã. Nhân mạc bất ảm thực dã, tiến năng tri vị dã.

Dịch nghĩa: Đức Thánh nói: Vì sao đạo không thực hành được, ta biết rồi vậy, vì người trí thì vượt qua, kẻ ngu thì không tới. Vì sao đạo không tỏ rõ ra được, ta biết rồi, vì người hiền thì vượt quá, kẻ chẳng hiền thì không tới. Người

ta chẳng ai là không ăn uống, nhưng ít kẻ biết sự thật vị của món ăn thức uống.

CHƯƠNG V ĐẠO KỲ BẤT HÀNH

Dịch âm: Tử viết: Đạo kỳ bất hành hĩ phù!

Dịch nghĩa: *Đức Thánh nói: Ôi! đạo chắc không thực hành được rồi!*

CHƯƠNG VI THUẤN ĐẾ

Dịch âm: Tử viết: Thuấn kì đại trí dã dư! Thuấn hiếu vấn nhi hiếu sát, nhĩ ngôn ẩn ác nhi dương thiện; chấp kỳ lưỡng đoan, dụng kì trung ư dân, kì tư dĩ vi Thuấn hồ.

Dịch nghĩa: *Đức Thánh nói: Vua Thuấn thật là bậc đại trí! Vua Thuấn ưa hỏi, ưa xét những lời nói gần, dấu điều xấu, biểu dương điều thiện, nắm hai đầu nối, lấy cái chính giữa mà dụng với dân; vì thế mới là vua Thuấn vậy.*

CHƯƠNG VII DƯ TRÍ

Dịch âm: Tử viết: Nhân giai viết dư trí, khu nhi nạp chư cổ hoạch hãm tịnh chi trung, nhi mạc chi năng tị dã; nhân giai viết dư trí, trạch hồ trung dung, nhi bất năng cơ nguyệt thủ dã.

Dịch nghĩa: *Đức Thánh nói: Người ta ai cũng nói là “ta khôn”, thế nhưng xô vào lưới, bẫy, hãm mà không biết tránh; người ta ai cũng nói là “ta khôn” thế nhưng chọn được đạo trung dung mà giữ theo, lại không giữ nổi suốt tháng.*

CHƯƠNG VIII NHAN HỒI

Dịch âm: Tử viết: Hồi chi vi nhân dã, trạch hồ trung dung, đắc nhất thiện tắc quyền quyền phục ứng, nhị phát thất chi hĩ.

Dịch nghĩa: Đức Thánh nói: Nhan Hồi làm người, biết chọn lẽ trung dung mà theo, hề được một điều lành, thì giữ kín trong dạ, không để cho nó mất đi.

CHƯƠNG IX THIÊN HẠ

Dịch âm: Tử viết: thiên hạ quốc gia khả quân dã, bạch nhận khả đạo dã, trung dung bất khả năng dã.

Dịch nghĩa: Đức Thánh nói: Thiên hạ nước nhà có thể làm cho đồng đều được, tước lộc có thể từ chối được, mũi nhọn trần có thể gãy đập lên được, đạo trung dung không thể làm nổi.

CHƯƠNG X TỬ LỘ

Dịch âm: Tử viết: Sách ẩn hành quái, hậu thế hữu thuật yên, ngô phát vi chi hĩ; quân tử tuân đạo nhi hành, bán đồ nhi phế, ngô phát năng dĩ hĩ; quân tử y hồ trung dung, độn thể bất kiến, tri nhi bất hối, duy thánh giả năng chi.

Dịch nghĩa: Đức Thánh nói: Tìm những lẽ bí ẩn làm những việc quái lạ để cho đời sau thuật lại, ta không làm như thế; người quân tử đã theo đạo để đi, nửa đường lại bỏ, ta không thể thôi được; người quân tử tựa vào đạo trung

dung trốn đời chẳng ai biết mình mà chẳng ăn năn, chỉ có bậc Thánh nhân mới làm được như thế.

CHƯƠNG XI QUÂN TỬ CHI ĐẠO

Dịch âm: Quân tử chi đạo, phị nhi ẩn, phu phụ chi ngu khả dĩ dự tri yên, cập kì chí dã, tuy thanh nhân diệc hữu sở bất tri yên; phu phụ chi bất tiếu, khả dĩ năng hành yên, cập kì chí dã, tuy thánh nhân diệc hữu sở bất năng yên. Thiên địa chi đại dã, nhân do hữu sở hám, cố quân tử ngũ đại, thiên hạ mạc năng tải yên, bất khả lị chi ý dã, kỳ hạ bát chương, tạp dẫn Khổng tử chi ngôn dĩ minh chi.

Dịch nghĩa: Đạo của người quân tử rộng mà kín, ngu như cha mẹ cũng dự biết được, nhưng đến chỗ cùng tột của nó thì bậc Thánh nhân cũng có chỗ không biết; bất tiếu như cha mẹ cũng có thể làm theo được, nhưng đến chỗ cùng tột của nó thì Thánh nhân cũng có chỗ không làm nổi. Lớn như Trời đất, mà người ta còn có chỗ phàn nàn, cho nên đạo quân tử, nói lớn thì thiên hạ không ai chở được, nói nhỏ thì thiên hạ không ai phá được. Kinh Thi nói: “**Điều bay đến trời, cả nhày dưới vực**”, ấy là nói thấu cả trên cao dưới thấp vậy. Đạo quân tử gây đầu tử chỗ vợ chồng, nhưng đến chỗ cùng tột của nó, thì tỏ rõ cả trời, đất.

Trên đây là chương thứ mười hai, lời thầy Tử Tư nói rõ cái ý «đạo không thể dời được» ở chương đầu; tám chương dưới đây, thì dẫn xen lời Đức Khổng để nói thêm cho rõ.

CHƯƠNG XII

ĐẠO BẤT VIỄN NHÂN

Dịch âm: Tử viết: Đạo bất viễn nhân, chi vị đạo nhi viễn nhân, bất khả dĩ vi đạo. Thi vân: «*Phạt kha phạt kha, kì tắc bất viễn*» chấp kha dĩ phạt kha, nghệ nhi thị chi, do dĩ vi viễn, cổ quân tử dĩ nhân trị nhân, cải nhi chi. Trung thứ vi đạo bất viễn, thi chư kĩ nhi bất nguyện, diệc vật thi ư nhân. Quân tử chi đạo tú, Khâu vị năng nhất yên; sở cầu hồ tử, dĩ sự phụ vị năng dã; sở cầu hồ thân, dĩ sự quân vị năng dã; sở cầu hồ đệ, dĩ sự huynh vị năng dã, sở cầu hồ bằng hữu, tiên thi chi vị năng dã. Dung đức chi hành, dung ngôn chi cẩn, hữu sở bất túc, bất cảm bất miễn, hữu dư bất cảm tận; ngôn cố hành, hành cố ngôn, quân tử hồ bất tháo- tháo nhĩ.

Dịch nghĩa: Đức Thánh nói: đạo vốn chẳng xa người, kẻ muốn làm theo đạo mà xa với người thì không thể làm theo đạo được. Kinh Thi nói: “**Đẫn cái rìu, kiểu nó không xa**”, cầm cán rìu để dẫn cán rìu, ngắm mà nhìn, còn lấy làm xa à? thế nên, người quân tử lấy người mà sửa người, đổi được cái xấu thì thôi. Trung và thứ cách đạo không xa, hề điều gì làm cho mình mà mình không muốn thì cũng đừng làm cho người ta. Đạo quân tử có bốn điều mà Khâu này chưa làm được một điều nào: những điều muốn cầu ở kẻ làm con, ta đem thờ cha chưa được; những điều muốn cầu ở kẻ làm tôi, ta đem thờ vua chưa được; những điều muốn cầu ở em, ta đem thờ anh chưa được; những điều muốn cầu ở kẻ làm bạn, ta chưa thể đem thi hành trước với bè bạn. Thực hành những đức hạnh thường, giữ gìn những lời nói thường, nếu có chỗ làm không đủ sức thì không dám gắng, nói hoặc có thừa thì không dám hết lời. Lời nói phải đoái

*lại việc làm, việc làm phải đoái lại lời nói người quân tử
như thế chẳng là thực lắm sao!*

SÁCH LÃO GIÁO – ĐẠO ĐỨC KINH

Lưu Ý: Quyển Đạo Đức Kinh gồm cả thảy là 81 chương, dưới đây chúng tôi chỉ nhận được:

chương 1 đến chương 21, chương 65 đến 67, chương 77, 78 và 81.

Khi nào nhận tiếp các chương còn lại chúng tôi sẽ bổ sung để hầu quý đọc giả.

Kính mong quý vị thông cảm.

CHƯƠNG 1 ĐẠO KHẢ ĐẠO

Đạo khả đạo, phi thường Đạo.

Danh khả danh, phi thường Danh.

Vô danh thiên địa chi thủ.

Hữu danh vạn vật chi mẫu.

Cố

Thường vô dục, dĩ quan kỳ diệu.

Thường hữu dục, dĩ quan kỳ kiêu.

Thử lưỡng giả đồng.

Xuất nhi dị danh.

Đồng vị chi Huyền.

Huyền chi hựu Huyền.

Chúng diệu chi môn.

DỊCH NGHĨA

*Đạo có thể gọi được, không phải là Đạo “**thường**”; là vĩnh cửu, bất biến.*

*Danh có thể gọi được không phải là Danh «**thường**»*

Không tên, là gốc của Trời Đất;

Có tên, là mẹ của Vạn Vật.

Bởi vậy

Thường không tự dục, mới nhận được chỗ huyền diệu của Đạo.

Thường bị tự dục, chỉ thấy chỗ chia lìa của Đạo.

Hai cái đó đồng với nhau.

Cùng một gốc, tên khác nhau.

Đồng nên gọi Huyền.

Huyền rồi lại Huyền.

Đó là cửa vào ra của mọi huyền diệu trong Trời Đất.

CHƯƠNG 2 THIÊN HẠ GIAI TRI MỸ

Thiên hạ

Giai tri mỹ chi vi mỹ.

Tư ác dĩ.

Giai tri thiện chi vi thiện.

Tư bất thiện dĩ.

Cố

Hữu vô tương sanh.

Nan Dị tương thành.
Trường Đoản tương hình
Cao Hạ tương khuynh.
Âm Thinh tương hòa.
Tiên Hậu tương tùy.
Thị dĩ Thánh nhơn
Xử vò vi chi sự.
Hành bất ngôn chi giáo.
Vạn vật tác yên nhi bất từ.
Sanh nhi bất hữu.
Vi nhi bất thị.
Công thành nhi phát cư.
Phù duy phát cư.
Thị dĩ bất khứ.

DỊCH NGHĨA

*Thiên hạ đều biết tốt là tốt.
Thì đã có xấu rồi.
Đều biết lành là lành.
Thì đã có cái chẳng lành rồi.
Bởi vậy.
Có với Không cùng sanh.
Khó và Dễ cùng thành.
Cao và Thấp cùng chiều.
Giọng và Tiếng cùng họa.*

*Trước và Sau cùng theo.
Vậy nên, Thánh nhơn
Dùng “vô vi” mà xử sự
Dùng “bất ngôn” mà dạy dỗ.
Để cho vạn vật nên mà không cần.
Tạo ra mà không chiếm đoạt.
Làm mà không cậy công.
Thành mà không ở lại.
Vi không ở lại.
Nên không bị bỏ.*

CHƯƠNG 3
BẤT THƯỢNG HIỀN

Bất thượng hiền.
Sử dân bất tranh.
Bất quý nan đắc chi hóa.
Sử dân bất vi đạo.
Bất kiến thả dục.
Sử dân tâm bất loạn.
Thị dĩ thánh nhơn chi trị.
Hư kỳ tâm.
Thực kỳ phúc.
Nhược kỳ chí.
Cường kỳ cốt.
Thường sử dân vô tri vô dục.

Sử phù trí giả bất cảm vi dã.

Vi vô vi.

Tắc vô bất trị.

DỊCH NGHĨA

Không tôn hiển tài, khiến dân không tranh giành.

Không quý của khó đặng, khiến cho dân không trộm cướp.

Không phô điều ham muốn, khiến cho lòng dân không loạn.

Vì vậy, cái trị của Thánh hơn làm dân

Hư lòng.

No dạ.

Yên chí.

Mạnh xương.

Thường khiến cho dân không biết, không ham.

Khiến cho kẻ trí không dám dùng đến cái khôn của mình.

Nếu làm theo vô vi, ắt không có gì là không trị.

CHƯƠNG 4 ĐẠO XUNG NHI DỤNG CHI

Đạo xung nhi dụng chi hoặc bất doanh.

Uyên hê tự vạn vật chi tông

Tỏa kỳ nhuệ.

Giải kỳ phân.

Hòa kỳ quang,
Đồng kỳ trần.
Trạm hễ tự hoặc tồn.
Ngô bất tri thù chi tử.
Tượng đề chi tiên.

DỊCH NGHĨA

*Đạo thì trống nhưng đồ vô mãi không đầy.
Đạo như vực thăm, đường như tổ tông của vạn vật.
Nó làm nhụt bén.
Tháo gỡ rồi.
Điều hòa ánh sáng.
Đồng cùng bụi.
Nó trong trẻo thay! đường như trường tồn!
Ta không biết Nó là con ai.
Đường như trước Thiên – để*

**CHƯƠNG 5
THIÊN ĐỊA BẤT NHÂN**

Thiên địa bất nhân
Dĩ vạn vật vi sở cấu.
Thánh nhơn bất nhân.
Dĩ bách tánh vi sở cấu.
Thiên địa chi gian.
Kỳ du thác thược hồ!

Hư nhi bất khuất.
Động nhi dĩ xuất.
Đa ngôn so cùng
Bất như thủ trung.

DỊCH NGHĨA

*Trời đất không nhân.
Coi vạn vật như chó rơm.
Thánh nhơn không có nhân.
Coi trăm họ như chó rơm.
Cái khoảng giữa Trời Đất.
Giống như ống bễ.
Tuy trống mà vô tận.
Càng động càng hơn ra.
Càng nói nhiều, càng không nói hết được.
Thà giữ lấy cái Trung.*

**CHƯƠNG 6
CỐC THÂN BẤT TỬ**

Cốc thân bất tử.û
Thị vị Huyền tấn.
Huyền tấn chi môn.
Thị vị thiên địa căn.
Miên miên nhược tồn
Dụng chi bất cần.

DỊCH NGHĨA

*Thân hang không chết.
Nên gọi Huyền tấn
Cửa của Huyền tấn.
Gốc rễ của Đất Trời.
Dạng đặc như còn
Dùng hoài không hết.*

**CHƯƠNG 7
THIÊN TRƯỜNG ĐỊA CỬU**

Thiên trường địa cửu.
Thiên địa sở dĩ năng trường.
Thả cửu giả.
Dĩ kỳ bất tự sinh.
Cố năng trường sinh.
Thị dĩ Thánh nhơn.
Hậu kỳ thân nhi thân tiên.
Ngoại kỳ thân nhi thân tồn.
Phi dĩ kỳ vô tư da?
Cố năng thành kỳ tư.

DỊCH NGHĨA

*Trời dài đất lâu.
Trời đất sở dĩ dài lâu.
Vi không sống cho mình.*

*Nên dưỡng trường sinh.
Vì vậy Thánh hơn.
Để thân sau, mà ở thân trước.
Để thân ra ngoài mà thân còn.
Phải chăng vì không riêng.
Mà thành được việc tư?*

CHƯƠNG 8
THƯỢNG THIÊN NHƯỢC THỦY

Thượng thiện nhược thủy.
Thủy thiện lợi vạn vật.
Nhi bất tranh.
Xử chúng hơn chi sở ố.
Cổ cơ ư Đạo.
Cư thiện địa.
Tâm thiện yên.
Dữ thiện nhân.
Ngôn thiện tín.
Chánh thiện trị.
Sự thiện năng.
Động thiện thời.
Phù duy bất tranh.
Cổ vô vưu.

DỊCH NGHĨA

*Bậc “thương thiên” như nước:
Nước hay làm lợi cho vạn vật mà không tranh.
Ở chỗ mọi người đều ghét.
Nên gần với Đạo.
Ở hay lựa chỗ thấp.
Lòng thì chịu chỗ thâm sâu.
Xử thế thích dùng đến lòng nhân.
Nói thì trung thành không sai chạy.
Sửa trị thì làm cho được thái bình.
việc thì hợp với tài năng.
động thì hợp với thời buổi.
Ôi và không tranh.
Nên không sao lầm lỗi.*

CHƯƠNG 9
TRÌ NHI DOANH CHI

Trì như doanh chi.
Bất như kỳ dĩ.
Súy nhi chuyết chi.
Bất khả trường bảo.
Kim ngọc mãn đường.
Mạc chi năng thủ.
Phú quý nhi kiêu.
Tự di kỳ cữu.
Công toại thân thối.

Thiên chi đạo.

DỊCH NGHĨA

*Ôm giữ chấu đậy.
Chẳng bằng thôi đi.
Dùng dao sắc bén.
Không bén được lâu.
Vàng ngọc đầy nhà.
Khó mà giữ lâu.
Giàu sang mà kiêu.
Tự vời họa ưu.
Nên việc, lui thân.
Đó là đạo Trời.*

CHƯƠNG 10
TẢI ĐÌNH PHÁCH

Tải doanh phách bao nhất.
Năng vô lý hồ?
Chuyên khí trí nhu.
Năng anh nhi hồ?
Địch trừ huyền lãm.
Năng vô tỳ hồ?
Ái dân trị quốc.
Năng vô vi hồ?
Thiên môn khai hạp.

Năng vô thư hồ?
Minh bạch tứ đạt.
Năng vô tri hồ?
Sanh chi súc chi.
Sanh nhi bất hữu.
Vi nhi bất thị.
Trưởng nhi bất tử.
Thị vị Huyền đức.

DỊCH NGHĨA

*Làm hôn phách hiệp một.
Không thể chia đặng không?
Làm hơi thở tụ lại.
Như trẻ sơ sanh, đặng không?
Gột rửa lòng ham huyền diệu.
Đừng còn chút bận, đặng không?
Thương dân trị nước.
Mà làm như không làm, đặng không?
Cửa trời khép mở.
Mà làm như con mái, đặng không?
Hiểu biết tất cả.
Mà làm như không biết gì cả, đặng không?
Sanh đó, nuôi đó.
Sanh mà không chiếm cho mình.
Làm mà không cậy công.*

*Làm bậc lớn mà không làm chủ.
Đó gọi là Huyền đức.*

CHƯƠNG 11
TAM THẬP PHÚC

Tam thập phúc, cộng nhứt cốc.
Đương kỳ vô, hữu xa chi dụng,
Duyên thực dĩ vi khí.
Đương kỳ vô, hữu khí chi dụng,
Tạc hộ dĩ dĩ vi thất
Đương kỳ vô, hữu thất chi dụng.
Hữu chi dĩ vi lợi.
Vô chi dĩ vi dụng.

DỊCH NGHĨA

Ba chục cặm, hợp lại một bầu, nhưng nhờ chỗ “không” mới có cái “dụng” của xe.

Nhồi đất để làm chén bát.

Nhờ chỗ “không” mới có cái “dụng” của chén bát.

Khoét cửa nẻo, làm buồng the.

Nhờ chỗ “không” mới có cái “dụng” của buồng the.

Bởi vậy.

Lấy cái “có” đó để làm cái lợi.

Lấy cái “không” đó để làm cái dụng.

CHƯƠNG 12
NGŨ SẮC LỊNH

Ngũ sắc lịnh nhưn mục manh.
Ngũ âm lịnh nhưn nhĩ lung.
Ngũ vị lịnh nhưn khẩu sảng?
Trì sinh điền liệt.
Lịnh nhưn tâm phát cuồng.
Nan đắc chi hóa.
Lịnh nhưn hành phương.
Thị dĩ thánh nhưn.
Vị phúc bất vị mục.
Cổ thử bỉ thủ thử.

DỊCH NGHĨA

*Năm màu khiến người tối mắt.
Năm giọng khiến người điếc tai.
Năm mùi khiến người tê lưỡi.
Sỏi ngựa sẵn bắn.
Khiến lòng người hóa cuồng.
Của cải khóặng.
Khiến người gặp nhiều tai hại.
Bởi vậy Thánh nhưn.
Vị bụng mà không vị mắt.
Nên bỏ cái này mà lấy cái kia.*

CHƯƠNG 13
SÙNG NHỤC NHƯỢC KINH

Sùng nhục nhược kinh.
Quý đại hoạn nhược thân.
Hà vị sùng nhục nhược kinh?
Sùng vị thượng, nhục vị hạ.
Đắc chi nhược kinh.
Thất chi nhược kinh.
Thi vị sùng nhục nhược kinh.
Hà vị quý đại hoạn nhược thân?
Ngò sở dĩ hữu đại hoạn giả.
Vi ngô hữu thân.
Cập ngô vô thân.
Ngò hữu hà hoạn!
Cố
Quý dĩ thân vi thiên hạ,
Nhược khả ký thiên hạ,
Ái dĩ thân vi thiên hạ,
Nhược khả thác thiên hạ.

DỊCH NGHĨA

*Vinh và Nhục đều là sợ hãi;
Quý và Hoạn đều là vì có thân.
Tại sao gọi Vinh và Nhục đều là sợ hãi?
Là vì, Vinh trên thì Nhục dưới,*

Được cũng sợ hãi,

Mà mất cũng sợ hãi.

Vì vậy mới gọi “Vinh Nhục đều là sợ hãi”.

Tại sao gọi “Quý và Hoạn đều là vì có thân?”

Là vì, ta sở dĩ có lo lớn là vì ta có thân.

Nếu ta không thân,

Ta sao có lo!

Vậy, kẻ nào biết quý thân vì thiên hạ, nên giao phó thiên hạ cho họ được.

Kẻ nào biết thương thân vì thiên hạ, nên gởi gắm thiên hạ cho họ được.

CHƯƠNG 14 ĐẠO ĐỨC KINH

Thị chi bất kiến danh viết Di;

Thính chi bất văn danh viết Hi;

Bác chi bất đắc danh viết Vi.

Thử tam giả bất khả trí cật.

Cố hỗn nhi vi nhất.

Kỳ thượng bất kiêu,

Kỳ hạ bất muội.

Thằng thẳng bất khả danh.

Phục quy ư vô vật,

Thị vị vô trượng chi trượng,

Vô vật chi tượng,

Thị vị hốt hoảng,
Nghinh chi bất kiến kỳ thủ,
Tùy chi bất kiến kỳ hậu.
Chấp cố chi đạo,
Dĩ ngự kim chi hữu.
Năng tri cố thi,
Thị vị đạo kỹ.

DỊCH NGHĨA

*Xem mà không thấy, nên tên gọi là “Di”;
Lóng mà không nghe, nên tên gọi là “Hi”;
Bắt mà không nắm được, nên gọi là “Vi”.
Ba cái ấy, không thể phân ra được,
Vì nó hỗn hợp làm Một.
Trên nó thì không sáng,
Dưới nó thì không tối,
Dài dằng dặc mà không có tên.
Rời lại trở về chỗ không có.
Ấy gọi là cái hình trạng không hình trạng
Cái hình trạng của cái không có vậy.
Ấy gọi là “hốt hoảng”.
Đón nó thì không thấy đầu,
Theo nó thì không thấy đuôi.
Giữ cái đạo xưa,
Để mà trị cái có của hiện nay.*

*Biết được cái đầu mối của xưa.
Ấy gọi là nắm được giềng mối của Đạo.*

CHƯƠNG 15

* * * * *

Cố chi thiện vi sĩ giả,
Vi diệu huyền thông,
Thâm bất khả thức.
Phù duy bất khả thức,
Cố cương vi chi dung.
Dự yên nhược đông thiệp xuyên,
Do hê nhược úy tứ lân.
Nhiễm hê kỳ nhược khách,
Hoán hê nhược băng chi tương thích:
Đôn hê kỳ nhược phác,
Khoáng hê kỳ nhược cốc,
Hỗn hê kỳ nhược trọc.
Thục năng trọc dĩ chỉ,
Tĩnh chi từ thanh;
Thục dĩ an dĩ cửu,
Động chi từ sanh.
Bảo thử Đạo giả bất dục doanh,
Phù duy bất doanh,
Cố năng tế bất tân thành.

DỊCH NGHĨA

*Bậc toàn thiện xưa,
Tinh tế, nhiệm mầu,
Siêu huyền, thông suốt.
Sâu chẳng khá dò.
Bề chẳng khá dò,
Tạm hình dung Đó.
Thận trọng đường qua sông trên nước đặc.
Do dự đường sợ mắt ngó bốn bên.
Nghiêm kính đường khách lạ,
Chảy ra đường băng tan,
Quê mùa đường gõ chùa đèo gót,
Trống không đường hang núi,
Pha lẫn đường nước đục.
Ai hay nhờ tịnh mà đục hóa trong,
Ai hay nhờ động mà đứng lại đi?
Kẻ giữ Đạo, không muốn đầy.
Chỉ vì không muốn đầy,
Nên mới che lấp được.
Mà chẳng trở nên mới.*

CHƯƠNG 18
TRÍ HƯ CỤC

Trí hư cục
Thủ tịnh đốc

Vạn vật tịnh tác,
Ngô dĩ quan phục.
Phù vật vân vân..
Các phục quy kỳ căn.
Quy căn viết tịnh,
Thị vị viết Phục Mạng.
Phục Mạng viết Thường.
Tri Thường viết Minh,
Bất tri thường, vọng tác hung.
Tri thường dung,
Dung nãi công,
Công nãi vương,
Vương nãi thiên,
Thiên nãi Đạo,
Đạo nãi cửu,
Một thân bất đái.

DỊCH NGHĨA

*Đến chỗ cùng cực hư không,
Là giữ vững được trong cái «**Tịnh**».
Vạn vật cùng đều sinh ra;
Ta lại thấy nó trở về gốc,
Ôi! mọi vật trùng trùng,
Đều trở về cội rễ của nó.
Trở về cội rễ, gọi là “**Tịnh**”.*

Ấy gọi là “**phục mạng**”
Phục mạng gọi là “**Thường**”.
Biết “**Thường**” gọi là “**Minh**”.
Không biết đạo “**Thường**” mà làm càn là gây hung họa.
Biết đạo “**Thường**” thì bao dung,
Bao dung thì công bình,
Công bình thì bao khắp,
Bao khắp là Trời,
Trời là Đạo,
Đạo thì lâu dài,
(Ai mà được vậy)
Suốt đời không nguy.

CHƯƠNG 17
THÁI THƯỢNG

Thái thượng, hạ tri hữu chi.
Kỳ thứ thân nhi dự chi.
Kỳ thứ ụy chi.
Kỳ thứ vũ chi.
Tín bất túc yên,
Hữu bất tín yên.
Du hể kỳ quý ngôn.
Công thành sự toại,
Bách tánh giai vị ngã tự nhiên.

DỊCH NGHĨA

*Đời thái sơ, dân chỉ biết có đấng.
Kể đó, dần thân và khen đấng.
Kể đó, dân khinh đấng.
Vì không đủ tin,
Nên dân không tin,
Bậc thánh xưa, quý lời nói,
Làm xong công việc cho dân,
Mà dân cứ tưởng “tự nhiên tự mình làm”.*

CHƯƠNG 18
ĐẠI ĐẠO PHẾ

Đại Đạo phế, hữu Nhân Nghĩa.
Huệ Trí xuất, hữu đại nguy.
Lục thân bất hòa hữu hiếu từ.
Quốc gia hỗn loạn hữu trung thân.

DỊCH NGHĨA

*Đạo lớn mất, mới có Nhân Nghĩa.
Trí Huệ sanh, mới có đối trá.
Lục thân chẳng hóa, mới có hiếu từ.
Nước nhà rối loạn, mới có tội ngay.*

CHƯƠNG 19
TUYỆT THÁNH TRÍ KHÍ

Tuyệt nhân khí trí,

Dân lợi bách bội.
Tuyệt nhân khí nghĩa,
Dân phục hiếu từ.
Tuyệt xảo khí lợi,
Đạo tặc vô hữu.
Thử tam giả, dĩ
Vi văn bất túc.
Cổ lệnh hữu sở chúc.
Kiến Tổ báo Phác,
Thiếu tư quả dục,

DỊCH NGHĨA

*Dứt Thánh bỏ Trí,
Dân lợi trăm phần.
Dứt Nhân bỏ Nghĩa,
Dân lại thảo lành.
Dứt xảo bỏ lợi,
Trộm cướp không có.
Dứt ba khoản đó,
Có đủ vào đâu.
Phải được như vậy:
Ăn ở giản dị và chất phác.
Ít riêng tây,
Ít tham dục.*

CHƯƠNG 20
TUYỆT HỌC VÔ ƯU

Tuyệt học vô ưu
Duy chi dữ a,
Tương khứ kỷ hà?
Thiện chi dữ Ác,
Tương khứ nhược hà?
Nhơn chi sở úy,
Bất khả bất úy.
Hoàng hê kỳ vị ương tai!
Chúng nhơn hy hy,
Như hưởng thái lao
Như xuân đảng đài.
Ngã độc bạc hê kỳ vị triệu,
Như anh nhi chi vị hài,
Luy luy hê nhược vô sở quy.
Chúng nhơn giai hữu dư,
Nhi ngã độc nhược di,
Ngã ngu nhơn chi tâm dã tai!
Độn độn hê.
Tục nhơn chiêu chiêu
Ngã độc hôn hôn.
Tục nhơn sát sát,
Ngã độc muộn muộn,

Đạm hề kỳ nhược hải.
Liêu hề nhược vô chỉ.
Chúng nhơn giai hữu dĩ,
Nhi ngã độc ngoan tự bỉ.
Ngã độc dị ư nhơn,
Nhi quý thực mẫu.

DỊCH NGHĨA

*Dứt học, không lo.
“Đạ” với “Ơi”, khác nhau chỗ nào?
Lành với Dữ khác nhau ở đâu?
Chỗ mà người sợ,
Ta há chẳng sợ,
Nhưng chưa có chi,
Sợ cũng vô ích.
Người đời vui vẻ,
Như hưởng thái lao.
Như lên xuân đài.
Riêng ta im lặng,
Chẳng dấu vết chi.
Như trẻ sơ sinh,
Chưa biết tươi cười.
Rủ rượi mà đi,
Đi không chỗ về.
Người đời có dư,*

*Riêng ta thiếu thốn.
Lòng ta ngu dốt vậy thay!
Mờ mệt chừ!
Người đời sáng chói,
Riêng ta mịt mờ.
Người đời phân biệt,
Riêng ta hỗn độn.
Điêm tĩnh dường tối tăm,
Vùn vụt dường không lặng.
Người đời đều có chỗ dùng,
Riêng ta ngu dốt, thô lậu.
Ta riêng khác người đời.
Ta quý Mẹ nuôi muôn loài.*

CHƯƠNG 21
KHỔNG ĐỨC CHI DUNG

Khổng đức chi dung,
Duy Đạo thị tùng.
Đạo chi vi vật,
Duy hoang duy hốt
Hốt hể hoảng hể,
Kỳ trung hữu tượng,
Hoảng hể hốt hể,
Kỳ trung hữu vật.
Yêu hể minh hể,

Kỳ trung hữu tinh.
Kỳ tinh thậm chân,
Kỳ trung hữu tín.
Tự cổ cập kim,
Kỳ danh bất khứ.
Dĩ duyệt chúng phủ.
Ngô hà dĩ tri chúng phủ
Chi trạng tai?
Dĩ thử.

DỊCH NGHĨA

*Dáng của Đức lớn,
Theo cùng với Đạo,
Đạo sanh ra Vật,
Thấp thoáng mập mờ,
Thấp thoáng mập mờ,
Trong đó có hình.
Mập mờ thấp thoáng,
Trong đó có Vật.
Sâu xa tăm tối,
Trong đó có tinh.
Tinh đó rất thực,
Trong đó có tín.
Từ xưa đến nay.
Tên đó không mất,*

*Gốc của vạn vật.
Ta làm sao biết được trạng thái của Nó.
Nhờ đó vậy.*

CHƯƠNG 65
CỔ CHI THIỆN VI ĐẠO

Cổ chi thiện vi Đạo giả
Phi dĩ minh dân
Tương dĩ ngu chi.
Dân chi nan trị
Dĩ kỳ trí đa.
Cổ
Dĩ trí trị quốc,
Quốc chi tặc.
Bất dĩ trí trị quốc,
Quốc chi phúc.
Tri thử lượng giả diệc khê thức.
Thường tri khê thức,
Thị vị Huyền đức.
Huyền đức, thâm hĩ, viển hĩ.
Dữ vật phản hĩ,
Nhiên hậu nãi chí đại thuận.

DỊCH NGHĨA

Đời xưa, kẻ khéo thì hành Đạo.

Không làm cho dân «*khôn lanh*»
Mà làm cho dân «*thực thà*»
Dân mà khó trị,
Vì nhiều trí mưu.
Bởi vậy,
Lấy trí mà trị nước,
Là cái vạ cho nước.
Không lấy mà trị nước.
Lấy cái phúc cho nước.
Biết hai điều ấy,
Là biết làm mô thức.
Thường biết làm mô thức,
Nên gọi là huyền đức
Huyền đức thì sâu, thăm.
Nhân đó, muôn vật trở về.
Rồi sau mới đến chỗ “*đại thuận*”.

CHƯƠNG 66
GIANG HẢI SỞ DĨ NĂNG VI

Giang hải sở dĩ năng vi
bách cốc vương giả
Dĩ kỳ thiên hạ chi.
Cố
Năng vi bách cốc vương.
Thị dĩ dục thượng dân tất dĩ ngôn hạ chi

Dục tiên dân tất dĩ thân hậu chi.
Thị dĩ thánh nhơn.
Xử thương nhi dân bất trọng.
Xử tiền nhi dân bất hại
Thị dĩ thiên hạ lạc thôi nhi bất yếm.
Dĩ kỳ bất tranh
Cố
Thiên hạ mạc năng dĩ chi tranh.

DỊCH NGHĨA

*Sông biển sở dĩ làm đặng Vua trăm hang.
Vì nó khéo đứng dưới thấp,
Nên làm Vua đặng trăm hang.
Bởi vậy,
Muốn ngồi trên dân,
Hẳn lấy lời mà hạ mình,
Muốn đứng trước dân,
Hẳn lấy mình để ra sau.
Vậy nên, Thánh nhơn
Ở trên mà dân không hay năng.
Ở trước mà dân không thấy hại.
Vì thế
Thiên hạ không chán, lại còn đẩy tới trước,
Bởi đó không tranh,
Nên thiên hạ không cùng tranh với đó được.*

CHƯƠNG 67
THIÊN HẠ GIAI VỊ NGÃ

Thiên hạ giai vị ngã Đạo đại
tự bất tiểu
Phù duy đại,
Cố
Tự bất tiểu.
Nhược tiểu cửu hỹ
Kỳ thế dã phù!
Ngã hữu tam bửu
Trì nhi bảo chi:
Nhất viết từ;
Nhị viết kiệm;
Tam viết bất cảm vi thiên hạ tiên:
Từ cố năng dũng,
Kiệm cố năng quảng,
Bất cảm vi thiên hạ tiên,
Cố năng thành khí trường.
Kim xá từ thả dũng,
Xá kiệm thả quảng,
Xá hậu thả tiên
Tử hỹ
Phù từ dĩ chiến tắc thắng
Dĩ thủ tắc cố.

Thiên tướng cứu chi,
Dĩ từ vệ chi.

DỊCH NGHĨA

Thiên hạ đều gọi Đạo ta là lớn mà dường như không giống chi cả.

Bởi nó Lớn nên Nó không giống chi cả.

Nhược bằng Nó giống vật chi,

Thì Nó đã nhỏ lâu rồi!

Ta có ba vật báu, hằng nắm giữ và ôm ấp:

*Một là “**Từ**”;*

*Hai là “**Kiệm**”;*

*Ba là “**Không dám đứng trước thiên hạ**”*

Từ mới có Dững,

Kiệm mới có rộng,

Không dám đứng trước thiên hạ thì được Ngôi cao.

Nay, nếu bỏ Từ để được Dững,

bỏ Kiệm để được Rộng,

bỏ Sau để đứng trước là chết vậy!

Lấy Từ mà tranh đấu thì thắng;

Lấy Từ mà cố thủ thì vững.

Trời mà muốn cứu ai,

Lấy Từ mà giúp đỡ.

CHƯƠNG 77
THIÊN CHI ĐẠO

Thiên chi Đạo, kỳ du trường chung dư?
Cao giả ức chi,
Hạ giả cử chi;
Hữu dư giả tổn chi;
Bất túc giả bổ chi.
Thiên chi Đạo:
Tôn hữu dư nhi bổ bất túc.
Nhơn chi đạo tắc bất nhiên:
Tôn bất túc dĩ phụng hữu dư.
Thục năng hữu dư dĩ phụng thiên hạ?
Duy hữu Đạo giả.
Thị dĩ thánh nhơn;
Vi nhi bất thị,
Công thành nhi bất xử,
Kỳ bất dục kiến hiên.

DỊCH NGHĨA

*Đạo Trời ư? khác nào cây cung gương lên:
Chỗ cao, thì ép xuống,
Chỗ thấp thì nâng lên.
Có dư, thì bớt đi.
Không đủ, thì bù vào.
Đạo của Trời:*

*Bớt chỗ dư.
Bù chỗ thiếu.
Đạo của Người thì không vậy:
Bớt chỗ thiếu,
Bù chỗ dư.
Ai đâu có dư để bù cho thiên hạ.
Nếu không phải kẻ đã được Đạo!
Bởi vậy, Thánh hơn:
Làm mà không cậy công,
Công thành rồi, không ở lại,
Không muốn ai thấy tài hiên của mình.*

CHƯƠNG 78
THIÊN HẠ NHU NHƯỢC

Thiên hạ nhu nhược,
Mạc quá ư thủy,
Nhi công kiên cường giả,
Mạc chi năng thắng.
Kỳ vô dĩ dị chi
Nhu thắng cương,
Nhược thắng cường.
Thiên hạ mạc năng tri, mạc năng hành
Thị dĩ Thánh hơn vân:
Thọ quốc bất tường,
Năng vi thiên hạ vương.

Chánh ngôn nhược phản.

DỊCH NGHĨA

*Dưới trời, mềm yếu, không chi hơn trước
Không chi hơn đó được.
Không chi thể đó được
Mềm thắng cứng,
Yếu thắng Mạnh.
Dưới trời không ai biết,
Nhưng không ai có thể làm được.
Bởi vậy thánh nhân nói:
“Dám nhận lấy bụi bặm của nước,
“Mới có thể làm được chủ xã tắc.
“Dám nhận lấy sự không may của nước,
“Mới có thể làm Vua thiên hạ”.
Lời này nghe trái ngược.*

CHƯƠNG 81
TÍN NGÔN BẤT MỸ

Tín ngôn bất mỹ,
Mỹ ngôn bất tín.
Thiện giả bất biện,
Biện giả bất thiện.
Trí giả bất bác,
Bác giả bất tri.

Thánh nhơn bất tích,
Ký dĩ vi nhơn kỹ dĩ hữu.
Ký dĩ dữ nhơn kỹ dĩ đa.
Thiên chi Đạo, lợi nhi bất hại,
Thánh nhơn chi Đạo, vi nhi bất tranh.

DỊCH NGHĨA

*Lời thành thực không đẹp,
Lời đẹp không thành thực.
Người “**thiện**” không tranh biện,
Người tranh biện không “**thiện**”.
Người trí không học rộng,
Người học rộng không trí.
Bực thánh nhơn không thu giữ,
Càng vì người, mình càng thêm có,
Càng cho người, mình càng thêm nhiều.
Đạo của Trời, lợi mà không hại.
Đạo của Thánh nhơn, làm mà không tranh.*

PHÁP BẢO ĐÀN KINH CỦA LỤC TỔ

“Này Thiện tri thức!

*Trong mỗi niệm tự thấy được bản tánh thanh tịnh,
tự tu, tự hành, tự thành Phật đạo”.*

■ Lục Tổ.

CHƯƠNG I NGHI VẤN

Một hôm Vi Thứ Sử vì Tổ thiết đại hội trai; trai xong, Thứ Sử thỉnh Tổ đăng tòa, quan liêu sĩ thứ đều thành kính lễ bái, hỏi rằng: “*Đệ tử nghe Hòa Thượng thuyết pháp, thật không thể nghĩ bàn, nay có một ít nghi, cúi mong Ngài đại từ đại bi đặc biệt vì giải nói”.*

Tổ bảo rằng: “*Có nghi liền hỏi, tôi sẽ vì các ông mà nói”.*

Thứ Sử thưa rằng: “*Hòa Thượng nói pháp đâu không phải là tông chỉ của Tổ Đạt Ma ư?”*

Tổ bảo: “*Đúng vậy!”*

Thứ Sử thưa: “*Đệ tử nghe Tổ Đạt Ma khi mới đến vua Lương Võ Đế, Võ Đế hỏi rằng: “Trăm một đời cắt chùa độ Tăng, bố thí thiết trai có những công đức gì?” Tổ Đạt Ma bảo: “Thật không có công đức”. Đệ tử chưa thấu được lẽ này, cúi mong Hòa Thượng vì nói”.*

Tổ bảo: “*Thật không có công đức, chớ nghi lời của bậc Tiên Thánh. Vũ Đế tâm tà, không biết chánh pháp, cắt chùa độ Tăng, bố thí, thiết trai đó gọi là cầu phước, chớ không thể*

đem phước đời làm công đức. Công đức là ở trong pháp thân, không phải do tu phước mà có được”. Tổ lại nói: “Thấy tánh ấy là công, bình đẳng ấy là đức. Mỗi niệm không ngưng trệ, thường thấy bản tánh, chân thật diệu dụng gọi là công đức. Trong tâm khiêm hạ ấy là dựng lập muôn pháp là công, bên ngoài hành lễ phép ấy là đức. Tự tánh dựng lập muôn pháp là công, tâm thể lìa niệm ấy là đức; không lìa tự tánh ấy là công, ứng dụng không nhiễm ấy là đức. Nếu tìm công đức pháp thân, chỉ y nơi đây mà tạo, ấy là chơn công đức. Nếu người tu công đức, tâm đức không có kinh, thường hành khắp kinh. Tâm thường khinh người, ngô ngã không dứt tức là không công, tự tánh hư vọng không thật tức tự không có đức, vì ngô ngã tự đại thượng khinh tất cả. Nay Thiện tri thức! (Mỗi niệm không có gián đoạn ấy là công, tâm hành ngày tháng ấy là đức) tự tu tánh ấy là công, tự tu thân ấy là đức. Nay Thiện tri thức! Công đức phải là nơi tự tánh mà thấy, không phải do bố thí cúng dường mà cầu được. Ấy là phước đức cùng với công đức khác nhau. Võ Đế không biết chân lý, không phải Tổ Sư ta có lỗi.”

Thứ Sứ lại hỏi rằng: “Đệ tử thường thấy Tăng niệm Phật A Di Đà, nguyện sanh Tây phương thỉnh Hòa Thượng nói, được sanh nơi cõi kia chăng? Nguyện vì phá cái nghi này”.

Tổ bảo: “Sử quân khéo lắng nghe, Huệ Năng sẽ nói. Thế Tôn ở trong thành Xá Vệ nói kinh văn Tây phương dân hóa, rõ ràng cách đây không xa. Nếu luận về tướng mà nói, lý số có mười muôn tám ngàn tức là trong thân có mười ác và tám tà, liền là nói xa, nói xa là vì kẻ hạ căn, nói gần là vì những người thượng trí. Người có hai hạng nhưng pháp không có hai thứ, mê ngộ có khác thấy có mau chậm. Người mê niệm Phật cầu sanh về cõi kia, người ngộ tự tịnh tâm

mình. Sở dĩ Phật nói: Tùy tâm tịnh liền được cõi Phật tịnh. Sử quân, người phương Đông chỉ tâm mình tịnh liền không có tội, tuy người phương Tây tâm không tịnh cũng có lỗi. Người phương Đông tạo tội niệm Phật cầu sanh về phương Tây, còn người phương Tây tạo tội, niệm Phật cầu sanh cõi nào? Phàm ngu không rõ tự tánh, không biết trong tâm Tịnh độ, nguyện đông, nguyện tây, người ngộ đạo ở chỗ nào cũng vậy. Sở dĩ Phật nói: Tùy chỗ mình ở hằng được an lạc. Sử quân, tâm địa chỉ không có cái bất thiện thì Tây phương cách đây không xa. Nếu ôm lòng chẳng thiện, niệm Phật vãng sanh khó đến. Nay khuyên Thiện tri thức trước nên dẹp trừ thập ác tức là đi được mười muôn, sau trừ tám cái tà bèn qua được tám ngàn, mỗi niệm thấy tánh thường hành bình đẳng, đến như trong khảy móng tay, liền thấy đức Phật A Di Đà. Sử quân, chỉ hành mười điều thiện đâu cần lại nguyện vãng sanh, không đoạn cái tâm thập ác thì Phật nào đón tiếp. Nếu ngộ được đốn pháp vô sanh, thấy Tây phương chỉ trong khoảng sát na. Còn chẳng ngộ, niệm Phật cầu sanh thì con đường xa làm sao đến được! Huệ Năng vì mọi người đời cõi Tây phương trong khoảng sát na ở trước mắt khiến cho quý vị được thấy, quý vị có muốn thấy hay chăng?”

Chúng đều đánh lễ thưa rằng: “Nếu ở cõi này mà thấy được thì đâu cần phải nguyện vãng sanh, nguyện Hòa Thượng từ bi hiển Tây phương khiến cho tất cả được thấy”.

Tổ bảo rằng: “Này đại chúng! Người đời tự sắc thân là thành, mắt tai mũi lưỡi là cửa, ngoài có năm cửa, trong có cửa ý. Tâm là đất, tánh là vua, vua ở trên đất tâm, tánh còn thì vua còn, tánh đi mất thì vua mất; tánh ở thì thân tâm còn, tánh đi thì thân tâm hoại. Phật nằm ở trong

tánh mà tạo, chớ không hướng ra ngoài mà cầu. Tự tánh mê tức tức là chúng sanh, tự tánh giác tức là Phật, từ bi tức là Quan Thế Âm, hỷ xả gọi là Đại Thế Chí, hay tịnh tức là Đức Thích Ca, bình trực tức là Phật Di Đà. Nhơn ngã ấy là Tu Di, tà tâm là biển độc, phiền não là sóng mòi, độc hại là rồng dữ; hư vọng là quỷ thần, trần lao là rùa tranh, tham sân là địa ngục, ngu si là súc sanh. Nầy Thiện trí thức! Thường làm mười điều lành thì thiên đường liền đến, trừ nhơn ngã thì núi Tu Di ngã, dẹp được tham dục thì biển nước độc khô, phiền não không thì sóng mòi mất, độc hại trừ thì rồng cá đều dứt. Ở trên tâm địa mình là giác tánh Như Lai phóng đại quang minh, ngoài chiếu sáu cửa thanh tịnh hay phá sáu cõi trời dục, tự tánh trong chiếu ba độc tức liền trừ địa ngục v.v... các tội một lúc điều tiêu diệt, trong ngoài sáng tột, chẳng khác với cõi Tây phương, không chịu tu như thế nầy làm sao đến được cõi kia?”.

Đại chúng nghe nói rồi đều rõ ràng thấy được tự tánh, thấy đều lễ bái, đều tán thán: “Lành thay!”. Thừa rằng: “Khắp nguyện pháp giới chúng sinh nghe nói có một thời liền ngộ hiểu”.

Tổ bảo: «Nầy Thiện trí thức! Nếu muốn tu hành, tại gia cũng được, không cần chùa, người ở tại gia mà hay hành như người ở phương Đông mà tâm được thiện, còn người ở chùa mà không tu cũng như người ở phương Tây mà tâm ác. Chỉ tâm thanh tịnh tức là tự tánh Tây phương».

Thứ Sử Vi Cừ lại hỏi rằng: «Người tại gia làm sao tu hành? Cúi xin Ngài chỉ dạy».

Tổ bảo: «Tôi vì đại chúng làm một bài tụng Vô Tướng, chỉ y đây mà tu, thường cùng tôi đồng ở không khác, nếu không tu như thế nầy dù có cạo tóc xuất gia đối với đạo

cũng không có ích gì.

Tụng rằng:

*Tâm bình không nhọc giữ giới
Ăn thì nuôi dưỡng cha mẹ
Nhường thì trên dưới hòa
Nếu hay dùi cây ra lửa
Đắng miệng tức là thuốc hay
Sửa lỗi ắt sanh trí tuệ
Mỗi ngày thường làm lợi ích
Bỏ để chí hướng tâm tìm
Nghe nói y đây tu hành
Hạnh thẳng không cần tu thiên
Nghĩa thì trên dưới thương nhau
Nhãn thì các ác không ôn
Trong bùn quyết mọc sen hồng
Nghịch tai là lời ngay thẳng
Giữ quấy trong tâm không hiện
Thành đạo không do thí tiền,
Đâu nhọc hướng ngoại cầu huyền
Cực lạc chỉ ngay trước mắt.*

Tổ lại bảo: “*Này Thiện tri thức! Thấy phải y kệ đây mà tu hành, nhận lấy tự tánh, thẳng đó thành đạo, Pháp không đợi nhau, mọi người hãy giải tán, tôi trở về Tào Khê, chúng nếu có nghi, lại đến hỏi nhau*”.

Khi ấy Thứ Sử quan liêu ở trong hội, kẻ thiện nam

tín nữ mỗi người đều được khai ngộ, tin thọ vàng làm”.

CHƯƠNG II ĐỊNH TUỆ

Tổ dạy chúng rằng: “*Nầy Thiện trí thức! Pháp môn của ta đây lấy Định Tuệ làm gốc, đại chúng chớ lầm nói Định Tuệ riêng, Định Tuệ một thể không phải là hai. Định là thể của Tuệ, Tuệ là dụng của Định, Tuệ ở tại Định, nếu biết được nghĩa này tức là cái học Định Tuệ bình đẳng. Những người học Đạo chớ nói trước Định rồi sau mới phát Tuệ, trước Tuệ rồi sau mới phát Định, mỗi cái riêng khác. Khởi cái thấy như thế ấy (tức là cái kiến giải thế ấy) thì Pháp có hai tướng. Miệng nói lời thiện mà trong tâm không thiện thì không có Định Tuệ, Định Tuệ là không bình đẳng. Nếu tâm, miệng đều thiện, trong ngoài một thứ. Định Tuệ tức là bình đẳng. Tự ngộ tu hành không ở chỗ tranh cãi nếu tranh trước sau tức là đồng với người mê, không dứt sự hơn thua, trở lại tăng ngã và pháp, không lia bốn tướng.*

Nầy Thiện trí thức! Định Tuệ ví như cái gì? Ví như ngọn đèn và ánh sáng. Có ngọn đèn tức có ánh sáng, không đèn tức là tối, đèn là thể của ánh sáng, ánh sáng là dụng của đèn, tên tuy có hai mà thể vốn đồng một, pháp Định Tuệ này cũng lại như thế”.

Tổ dạy chúng rằng: “*Nầy Thiện trí thức! Nhất hạnh tam muội là đối với tất cả chỗ, đi đứng ngồi nằm thường hành một trực tâm ấy vậy”.* Kinh Tịnh Danh nói: “*Trực tâm là đạo tràng, trực tâm là Tịnh độ. Tâm làm những chuyện siểm khúc, miệng nói trực, miệng nói nhất hạnh tam muội mà không hành trực tâm; còn hành trực tâm, đối với tất cả pháp chớ có chấp trước. Người mê chấp pháp*

tướng, chấp nhất hạnh tam muội, chỉ nói ngồi không động, tâm vọng không khởi tức là nhất hạnh tam muội... người khởi hiểu thế này tức là đồng với vô tình, trở lại là nhưn duyên chúng Đạo.”

Nầy Thiện tri thức! Đạo phải thông lưu, do đâu trở lại ngưng trệ, tâm không trụ nơi pháp, Đạo tức là thông lưu. Tâm nếu trụ pháp gọi là tự phục, nếu nói thường ngồi không động, ấy chỉ như Ngài Xá Lợi Phất ngồi yên trong rừng lại bị Ngài Duy Ma Cật quả trách. Nầy Thiện tri thức! Lại có người dạy ngồi khán tâm quán tịnh, không động không khởi, từ đây mà lập công khóa, người mê không hiểu liền chấp thành ra điên cuồng; những người như thế này thật là động, dạy nhau như thế, nên biết đó là lầm lớn”.

Tổ dạy chúng rằng: “Nầy Thiện tri thức! Xưa nay chánh giáo không có đốn tiệm, tánh người tự có lợi và độn, người mê thì lần lần khế hợp, người ngộ thời chóng ty, tự biết bốn tâm, tự thấy bốn tánh, tức là không có sai biệt, do đó nên lập giả danh đốn tiệm. Nầy Thiện tri thức! Pháp môn của ta đây từ trước đến nay, trước lập vô niệm làm tông, vô tướng làm thể, vô trụ làm bốn. Vô tướng là đối với tướng mà lìa tướng; vô niệm là đối với niệm mà không niệm; vô trụ là bản tánh của người. Ở thế gian nào là thiện ác, tốt xấu, cho đến những việc oán cùng với thân, ngôn ngữ xúc phạm, hư dối tranh đua v.v... thấy đều đem về không; không nghĩ trả thù hại lại, trong mỗi niệm không nghĩ cảnh trước, nếu niệm trước, niệm hiện tại, niệm sau, trong mỗi niệm tương tục không dứt gọi là hệ chược (trói buộc). Đối trên các pháp mỗi niệm không trụ, tức là không chược, đây là lấy vô trụ làm gốc. Nầy Thiện tri thức! Ngoài lìa tất cả tướng gọi là vô tướng, hay lìa nơi tướng tức là pháp thể thanh tịnh,

đây là lấy vô tướng làm thể. Nầy Thiện tri thức! Đối trên các cảnh tâm không nhiễm gọi là vô niệm. Đối trên niệm thường lia các cảnh, chẳng ở trên cảnh mà sanh tâm. Nếu chỉ trảm vật chẳng nghĩ, niệm phải trừ hết, một niệm dứt tức là chết, rồi sẽ sanh nơi khác, ấy là lầm to. Người học Đạo suy nghĩ đó, nếu không biết cái ý của Pháp thì tự lầm còn có thể, lại dạy người khác (là không nên), tự mê không thấy lại còn chê bai kinh Phật, vì thế nên lập vô niệm làm tông. Nầy Thiện tri thức! Thế nào lập vô niệm làm tông? Chỉ vì miệng nói thấy Tánh, người mê ở trên cảnh có niệm, trên niệm lại khởi tà kiến, tất cả trần lao vọng tưởng từ đây mà sanh. Tự tánh, vốn không một Pháp có thể được, nếu có sở đắc, vọng nói họa phước tức là trần lao tà kiến, nên pháp môn nầy lập vô niệm tông. Nầy Thiện tri thức! Vô là vô việc gì? Niệm là niệm vật nào? Vô đó là không có hai tướng, không có các tâm trần lao; niệm là niệm chân như bản tánh. Chân như tức là thể của niệm, niệm tức là dụng của Chân như, Chân như tự tánh khởi niệm, không phải mất tại mũi lưỡi hay khởi niệm, Chân như có tánh cho nên khởi niệm, chân như nếu không có tánh thì mất tại sắc thanh chính khi ấy liền hoại. Nầy Thiện tri thức! Chân như tự tánh khởi niệm, sáu căn tuy có thấy nghe hiểu biết mà không nhiễm muôn cảnh, mà chơn tánh thường tự tại nên kinh nói: Hay khéo phân biệt các pháp tướng mà đối với nghĩa đệ nhất không có động”.

CHƯƠNG III TỌA THIỀN

Tổ dạy chúng rằng: Pháp môn tọa Thiền nầy vốn không chấp nơi tâm, cũng không chấp nơi tịnh, cũng chẳng

phải chẳng động. Nếu nói chấp tâm, tâm vốn là vọng, biết tâm như huyền nên không có chỗ chấp vậy. Nếu nói chấp tịnh, tánh người vốn là tịnh, bởi vì vọng niệm che đậy Chơn như, chỉ không có vọng tưởng thì tánh tự thanh tịnh. Khởi tâm chấp tịnh trở lại sanh ra cái tịnh vọng. Vọng không có chỗ nơi, chấp ấy là vọng; tịnh không hình tướng trở lại lập tướng tịnh, nói là công phu, người khởi kiến giải này là chương tự bản tánh trở lại bị tịnh trôi.

Nầy Thiện tri thức! Nếu người tu hạnh bất động, chỉ khi thấy tất cả mọi người, không thấy việc phải quấy, tốt xấu, lỗi lầm của người tức là tự tánh bất động. Nầy Thiện tri thức! Người mê thân tuy bất động, mở miệng liền nói việc phải quấy, hay dở, tốt xấu của người (tức là) cùng Đạo đã trái nhau, chấp tâm, chấp tịnh tức là chương Đạo.

Tổ dạy chúng rằng: Nầy Thiện tri thức! Sao gọi là tọa Thiên? Trong pháp môn này không chương không ngại, ngoài đối với tất cả cảnh giới thiện ác tâm niệm chẳng khởi gọi là tọa, trong thấy tự tánh chẳng động gọi là thiên. Nầy Thiện tri thức, sao gọi là thiên định? Ngoài là tướng là Thiên, trong chẳng loạn là Định. Ngoài nếu chấp tướng, trong tâm tức loạn, bản tánh tự tịnh tự định, chỉ vì thấy cảnh, suy nghĩ cảnh tức là loạn; nếu thấy các cảnh mà tâm chẳng loạn ấy là chơn định vậy. Nầy Thiện tri thức! Ngoài lìa tướng tức là thiên, trong chẳng loạn tức là định, ngoài thiên trong định, ấy gọi là Thiên định. Kinh Bồ Tát Giới nói: Bản tánh của ta vốn tự thanh tịnh. Nầy Thiện tri thức! Trong mỗi niệm tự thấy được bản tánh thanh tịnh, tự tu, tự hành, tự thành Phật đạo.

CHƯƠNG IV SÁM HỐI

Khi ấy Tổ thấy sĩ thứ bốn phương từ Quảng Châu, Thiều Châu đua nhau đến trong núi nghe pháp, Tổ mới đăng tòa bảo chúng rằng: “Đến đây các Thiện tri thức! Tánh này phải từ trong tự tánh mà khởi, trong tất cả thời, mỗi niệm tự tịnh tâm kia, tự tu, tự hành, thấy pháp thân của mình, thấy tâm Phật của mình, tự độ, tự giới mới được, không nhờ đến đây. Đã từ xa đến, một hội ở đây đều cùng có duyên, nay có thể mỗi vị quỳ gối, trước tôi vì truyền cho Tự Tánh Ngũ phần pháp thân hương, kể đó là trao Vô tướng sám hối”.

Chúng đều quỳ gối, Tổ bảo: «Một là Giới hương, tức là trong tâm mình không có quấy, không có ác, không tật đố, không tham sân, không cướp hại gọi là Giới hương. Hai là Định hương tức là thấy các cảnh tướng thiện ác, tự tâm chẳng loạn gọi là Định hương. Ba là Huệ hương là tâm mình không ngại, thường dùng trí tuệ quán chiếu tự tánh, chẳng tạo các ác, tuy tu các hạnh lành mà tâm không chấp trước, kính bậc trên thương kẻ dưới, cứu giúp người cô bản, gọi là Huệ hương. Bốn là Giải thoát hương tức tự tâm mình không có chỗ phan duyên, chẳng nghĩ thiện chẳng nghĩ ác, tự tại vô ngại gọi là Giải thoát hương. Năm là Giải thoát tri kiến hương tự tâm đã không có chỗ phan duyên thiện ác, không thể trảm không trệ tịch, tức phải học rộng nghe nhiều biết bản tâm mình, đạt được lý của chư Phật, hòa quang tiếp vật, không ngã không nhờn, thẳng đến Bồ đề, chơn tánh không đổi, gọi là Giải thoát tri kiến hương. Nay Thiện tri thức! Hương này mỗi người tự huân ở trong, chớ hương ra ngoài tìm, nay tôi vì các ông trao Vô tướng sám hối để diệt tội

trong ba đời, khiến được ba nghiệp thanh tịnh. Nầy Thiện tri thức! Mỗi người đồng thời nói theo lời tôi: Đệ tử chúng con, từ niệm trước, niệm hiện nay và niệm sau, mỗi niệm không bị u mê làm nhiễm, từ trước có những nghiệp ác, ngu mê v.v... các tội thấy đều sám hối, nguyện một lúc tiêu diệt, hằng không khởi lại. Đệ tử chúng con từ niệm trước, niệm hiện nay và niệm sau, mỗi niệm không bị kiêu cuồng làm nhiễm, từ trước có những nghiệp ác, kiêu cuồng v.v... các tội, thấy đều sám hối, nguyện một thời tiêu diệt, hằng không khởi lại. Đệ tử chúng con từ niệm trước, niệm hiện tại và niệm sau, mỗi niệm không bị tật đố làm nhiễm, từ trước có những nghiệp ác, tật đố v.v... các tội thấy đều sám hối, nguyện một lúc tiêu diệt, hằng không khởi lại. Nầy Thiện tri thức! Về trước là Vô tướng Sám hối. Thế nào gọi là sám? Thế nào gọi là hối? Sám là sám những lỗi về trước, từ đó có những nghiệp ác ngu mê, kiêu cuồng, tật đố v.v... các tội, thấy đều sám hết hằng không khởi lại, gọi đó là sám. Hối là hối những lỗi về sau, từ nay về sau có những nghiệp ác, ngu mê, kiêu cuồng, tật đố v.v... các tội, nay đã giác ngộ, thấy đều bằng hằng đoạn, lại không tạo lại, ấy gọi là hối, nên gọi là sám hối. Người phạm phu ngu mê, chỉ biết sám hối trước, chẳng biết hối lỗi sau, do vì không hối nên tội trước chẳng diệt, lỗi sau lại sanh. Tội trước đã chẳng diệt, lỗi sau lại sanh, sao gọi là sám hối được.

Nầy Thiện tri thức! Đã sám hối xong, vì Thiện tri thức phát tử hoằng thệ nguyện, mỗi người phải dụng tâm chánh lắng nghe: Tự tâm chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, tự tâm phiến não vô biên thệ nguyện đoạn, tự tánh pháp môn vô tận thệ nguyện học, tự tánh Vô thượng Phật đạo thệ nguyện thành. Nầy Thiện tri thức! Cả thầy đâu chẳng nói: Chúng

sanh vô biên thế nguyện độ, nói thế ấy, vả lại không phải là Huệ Năng độ. Nầy Thiện tri thức! Chúng sanh trong tâm, chỗ gọi rằng tâm tà mê, tâm cuồng vọng, tâm bất thiện, tâm tật đố, tâm ác độc, những tâm như thế trọn là chúng sanh, mỗi người nên tự tánh tự độ, ấy gọi là chơn độ. Sao gọi là tự tánh tự độ? Tức tự trong tâm những chúng sanh tà kiến, phiền não, ngu si, đem chánh kiến mà độ. Đã có chánh kiến bèn sử dụng trí Bát Nhã đánh phá những chúng sanh ngu si mê vọng, mỗi người tự độ, tà đến thì chánh độ, mê đến thì ngộ độ, ngu đến thì trí độ, ác đến thì thiện độ, độ như thế gọi là chơn độ. Lại phiền não vô biên thế nguyện đoạn, đem tự tánh Bát Nhã trí trừ hư vọng tư tưởng tâm ấy vậy. Lại pháp môn vô tận thế nguyện học, phải tự thấy tánh của mình, thường hành chánh pháp, ấy gọi là chơn học. Lại Vô Thường Phật đạo thế nguyện thành, đã thường hay hạ tâm hành nơi chơn chánh, lìa mê, lìa giác, thường sanh Bát Nhã trừ chơn trừ vọng, tức thấy được Phật tánh, liền ngay nơi lời nói, liền thành Phật đạo, thường nhớ tu hành, ấy là pháp nguyện lực.

Nầy Thiện tri thức! Nay phát Tứ hoàng thế nguyện rồi lại vì Thiện tri thức mà trao Vô tướng Tam qui y giới. Nầy Thiện tri thức! Quy y Giác Lương tức tôn, qui y Chánh Ly dục tôn, qui y Tịnh Chúng trung tôn. Từ ngày nay trở đi xưng Giác làm thầy, lại chẳng qui y tà ma ngoại đạo, dùng tự tánh Tam Bảo thường tự chứng minh, khuyến Thiện tri thức qui y tự tánh Tam Bảo. Phật là Giác vậy, Pháp là Chánh vậy, Tăng là Tịnh vậy. Tự tâm qui y Giác, tà mê chẳng sanh, thiếu dục tri tức hay lìa tài sắc, gọi là Lương tức tôn, Tự tâm qui y chánh niệm niệm không tà kiến, vì không tà kiến tức là không như ngã cống cao, tham ái, chấp trước

gọi là Ly dục tôn. Tự tâm qui y Tịnh, tất cả cảnh giới trần lao ái dục, tự tánh đều không nhiễm trước gọi là Chúng trung tôn. Nếu tu hạnh này, ấy là tự qui y. Phạm phu không hiểu, từ sáng đến tối, thọ tam qui giới, nếu nói qui y Phật, Phật ở chỗ nào? Nếu chẳng thấy Phật thì nương vào chỗ nào mà qui, nói lại thành vọng. Nầy Thiện tri thức! Mỗi người tự quan sát, chớ lằm dưng tâm, kinh văn rõ ràng nói tự qui y Phật, chẳng nói qui y với Phật khác, tự Phật mà chẳng qui thì không có chỗ nào mà y được. Nay đã tự ngộ, mỗi người phải qui y tự tâm Tam Bảo, trong thì điều hòa tâm tánh, ngoài thì cung kính mọi người, ấy là tự qui y vậy.

Nầy Thiện tri thức! Đã qui y tự Tam Bảo xong, mỗi người phải chí tâm, tôi vì nói một thể ba thân tự tánh Phật, khiến các ông thấy được ba thân rõ ràng tự ngộ tự tánh. Phải theo lời tôi nói: Nơi tự sắc thân qui y Thanh Tịnh Pháp Thân Phật, nơi tự sắc thân qui y Viên Mãn Báo Thân Phật, nơi tự sắc thân qui y Thiên Bá Úc Hóa Thân Phật. Nầy Thiện tri thức! Sắc thân là nhà cửa không thể nói qui hướng đó, ba thân Phật ở trong tự tánh người đời đều có, vì tự tâm mê không thấy tánh ở trong nên chạy ra ngoài tìm ba thân Như Lai, chẳng thấy ở trong thân có ba thân Phật. Các ông lắng nghe tôi nói khiến các ông ở trong tự thân thấy được tự tánh có ba thân Phật. Ba thân Phật này từ nơi tánh sanh, chẳng phải tự ngoài mà được. Sao gọi là Thanh Tịnh Pháp Thân Phật? Người đời bản tánh là thanh tịnh, muôn pháp từ nơi tánh mà sanh, suy nghĩ tất cả việc lành tức sanh hạnh lành. Như thế các pháp ở trong tự tánh như trời thường trong, mặt trời mặt trăng thường sáng, vì mây che phủ nên ở trên sáng, ở dưới tối, chợt gặp gió thổi mây tan, trên dưới đều sáng, vạn tượng đều hiện. Tánh của người đời thường

phù du như mây trên trời kia. Nầy Thiện tri thức, trí như mặt trời, huệ như mặt trăng, trí huệ thường sáng, do bên ngoài chấp cánh nên bị mây nổi vọng niệm che phủ tự tánh không được sáng suốt. Nếu gặp Thiện tri thức, nghe được pháp chơn chánh, tự trừ mê vọng, trong ngoài đều sáng suốt, nơi tự tánh muôn pháp đều hiện. Người thấy tánh cũng lại như thế, ấy gọi là Thanh Tịnh Pháp Thân Phật.

Nầy Thiện tri thức! Tự tâm qui y tự tánh là qui y chơn Phật. Tự qui y là trừ bỏ trong tự tánh tâm bất thiện, tâm tật đố, tâm siểm khúc, tâm ngó ngã, tâm cưỡng vọng, tâm khinh người, tâm lấn người, tâm tà kiến, tâm cống cao, và hạnh bất thiện trong tất cả thời, thường tự thấy lỗi mình, chẳng nói tốt xấu của người khác, ấy là tự qui y. Thường tự hạ tâm, khắp hành cung kính tức là thấy tánh thông đạt lại không bị ngăn trệ, ấy là tự qui y.

Sao gọi là Viên Mãn Báo Thân Phật? Thí như một ngọn đèn hay trừ ngàn năm tối, một trí tuệ hay diệt muôn năm ngu. Chớ suy nghĩ về trước, đã qua không thể được. Thường phải nghĩ về sau, mỗi niệm mỗi niệm tròn sáng, tự thấy bản tánh. Thiện ác tuy là khác mà bản tánh không có hai, tánh không hai đó gọi là tánh Phật. Ở trong thật tánh không nhiễm thiện ác, đây gọi là Viên Mãn Báo Thân Phật. Tự tánh khởi một niệm ác thì diệt muôn kiếp nhưn lành, tự tánh khởi một niệm thiện thì được hàng sa ác hết, thẳng đến vô thượng Bồ đề, niệm niệm tự thấy chẳng mất bốn niệm gọi là Báo thân.

Sao gọi là Thiên Bách Úc Hóa Thân? Nếu chẳng nghĩ muôn pháp thì tánh vốn như không, một niệm suy nghĩ gọi là biến hóa. Suy nghĩ việc ác là hóa làm địa ngục, suy nghĩ việc thiện thì hóa làm thiên đường, độc hại thì hóa

làm rồng rắn, từ bi thì hóa làm Bồ Tát, trí huệ thì hóa làm thượng giới, ngu si thì hóa làm hạ giới. Tụ tánh biến hóa rất nhiều, người mê không hay tỉnh giác, mỗi niệm khởi ác thường đi trong con đường ác, xoay về một niệm thiện, trí tuệ liền sanh, đây gọi là tụ tánh Hóa thân Phật.

Này Thiện tri thức! Từ Pháp thân suy nghĩ tức là Hóa Thân Phật, niệm niệm tụ tánh tụ kiến tức là Báo Thân Phật, tụ ngộ tụ tu, tụ tánh công đức, ấy là chơn thật qui y. Da thịt là sắc thân, sắc thân đó là nhà cửa, không nói là qui y vậy. Chỉ ngộ tụ tánh ba thân tức là biết được tụ tánh Phật. Tôi có một bài tụng Vô Tướng, nếu người hay trì tụng, ngay nơi lời nói liền khiến cho ông, tội mê từ nhiều kiếp, một lúc liền tiêu diệt. Tụng rằng:

*Người mê tu phước chẳng tu Đạo,
Chỉ nói tu phước liền là Đạo,
Bổ thí cúng dường phước vô biên,
Trong tâm ba ác xưa nay tạo.
Nghĩ muốn tu phước để diệt tội,
Đời sau được phước, tội vẫn còn,
Chỉ hưởng trong tâm trừ tội duyên,
Mỗi người tụ tánh chơn sám hối,
Chợt gặp Đại thừa chơn sám hối,
Trừ tà hành chánh tức không tội,
Học Đạo thường nơi tụ tánh quán,
Tức cũng chư Phật đồng một loại,
Tổ ta chỉ truyền Pháp đốn giáo,*

*Khấp nguyện kiến tánh đồng một thể.
Nếu muốn đời sau tìm Pháp thân,
Lìa các pháp tướng trong tâm rửa sạch.
Nỗ lực tự thấy chớ lơ là,
Một niệm chợt dứt một đời thôi.
Nếu gặp Đại thừa được thấy tánh,
Thành tâm cung kính chấp tay cầu.*

Tổ nói: “*Này Thiện tri thức! Phải tụng lấy, y đây tu hành, ngay nơi lời nói mà thấy Tánh, tuy cách tôi ngàn dặm như thường ở bên cạnh tôi; một lời nói này mà chẳng ngộ tức là đối diện với tôi mà cách xa ngàn dặm, đâu cần từ xa đến đây. Trân trọng đi được an vui*”.

Cả chúng nghe pháp rồi không ai mà chẳng khai ngộ, đều hoan hỷ phụng hành.

CHƯƠNG V ĐỐN TIỆM

Khi ấy Tổ ở chùa Bảo Lâm tại Tào Khê, còn Thần Tú Đại Sư ở chùa Ngọc Tuyên tại Kinh Nam. Bấy giờ hai Tông thanh hóa, người đều gọi là Nam Năng Bắc Tú nên có hai tông Nam Bắc, chia ra đốn tiệm, mà người học không biết tông thú. Tổ bảo chúng rằng: «*Pháp vốn một tông, người có Nam Bắc, Pháp tức là một thú, thấy có mau và chậm. Sao gọi là đốn tiệm? Pháp không có đốn tiệm, người có lợi căn, độn căn, nên gọi là đốn tiệm*». Nhưng đồ đệ của Ngài Thần Tú thường chê Tổ sư Nam Tông là không biết một chữ, có cái gì hay. Thần Tú nói rằng: «*Kia (Tổ Huệ Năng) được trí vô sư, thâm ngộ được pháp thượng thừa,*

tôi không bằng vậy. Và lại Thấy tôi là Ngũ Tổ, chính Ngài truyền y pháp, há lại suông ư? Tôi hận không có thể đi xa để mà thân cận, lương thọ ân Quốc vương, vậy những người các ông không nên kẹt ở đây, nên đến Tào Khê tham hỏi». Một hôm Ngài sai đệ tử là Chí Thành rằng: «Ông thông minh nhiều trí, nên vì tôi mà đến Tào Khê nghe pháp, nếu nghe được điều gì, hết lòng ghi lấy, trở về nói cho tôi nghe.»

Ngài Chí Thành vâng lệnh đến Tào Khê, theo chúng tham thỉnh, không nói từ đầu đến. Khi ấy Lục Tổ bảo chúng rằng: “Ngày nay có người trộm pháp đang ẩn trong hội này”. Chí Thành liền ra lễ bái và thưa đầy đủ việc của ông. Tổ bảo: “Ông từ Ngọc Tuyền lại nên là kẻ do thám”.

Chí Thành đáp: “Không phải”

Tổ hỏi: “Sao được không phải”.

Chí Thành thưa: “Chưa nói là phải, đã thưa rồi là không phải”.

Tổ bảo: “Thấy ông dùng cái gì chỉ đại chúng trụ tâm quán tịnh, thường ngồi chẳng nằm”.

Tổ bảo: “Trụ tâm quán tịnh là bệnh chớ không phải thiên thường ngồi là câu chấp nơi thân, đối với lý do có lợi ích gì.”

Hãy lắng nghe bài kệ của tôi đây:

Khi sống ngồi không nằm,

Khi chết nằm không ngồi,

Vốn là đầu xương thú,

Vì sao lập công khóa.”

Chí Thành lại lễ bái thưa rằng: “Đệ tử ở chỗ đại sư

Thần Tú, học đạo chín năm mà không được khế ngộ. Ngày nay nghe Hòa Thượng nói một bài kệ liền khế ngộ được bốn tâm. Sanh tử là việc lớn, đệ tử xin Hòa Thượng vì lòng đại bi chỉ dạy thêm”.

Tổ bảo: “Tôi nghe thấy ông dạy học như pháp định huệ, chưa biết thấy ông nói giới định huệ, hành tướng như thế nào, ông vì tôi nói xem”.

Chí Thành thưa: “Đại sư Thần Tú nói: “Các điều ác chớ làm gọi là giới, các điều thiện vâng làm gọi là huệ, tự tịnh ý mình gọi là định, Ngài Thần Tú nói như thế, chưa biết Hòa Thượng lấy pháp gì dạy người?”.

Tổ bảo: “Nếu tôi nói có Pháp cho người tức là nói dối ông chỉ tùy phương mở trí, giả danh là tam muội. Như thấy ông nói giới định huệ thật là không thể nghĩ bàn, nhưng chớ thấy giới định huệ của tôi lại khác”.

Chí Thành thưa: “Giới định huệ chỉ là một thứ vì sao lại có khác?”.

Tổ bảo: *Thầy ông nói giới định huệ là tiếp người đại thừa, còn tôi nói giới định huệ là tiếp người tối thượng thừa, ngộ hiểu chẳng đồng, thấy có mau và chậm; ông nghe tôi nói cùng với kia đồng hay chẳng? Tôi nói Pháp chẳng là tự tánh, là thể nói Pháp thì gọi là nói tướng, tự tánh thường mê, phải biết tất cả muôn Pháp đều từ nơi tự Tánh khởi dụng, ấy là Pháp chơn giới, chơn định chơn huệ, hãy lắng nghe tôi nói kệ đây:*

*Đất tâm không lỗi tự tánh Giới,
Đất tâm không si tự tánh Huệ,
Tâm địa không loạn tự tánh Định,
Chẳng tăng chẳng giảm tự kim cang,*

Thân đến thân đi vốn tam muội.

Chí Thành nghe kệ rồi hồi tạ, mới trình một bài kệ:

Năm uẩn thân huyền hóa,

Huyền làm sao cứu cánh,

Xoay lại tìm chân như,

Pháp trở thành bất tịnh.

Tổ liền ấn khả đó, lại cho Chí Thành rằng:

“Giới định huệ của Thầy ông là khuyên dạy người tiểu căn tiểu trí, còn giới định huệ của tôi là dạy người đại căn đại trí. Nếu ngộ được Tánh cũng chẳng lập Bồ Đề, Niết Bàn, cũng chẳng lập giải thoát tri kiến, không một Pháp có thể được mới hay dựng lập muôn Pháp. Nếu hiểu được ý này cũng gọi là thân Phật, cũng gọi là Bồ Đề Niết Bàn, cũng gọi là giải thoát tri kiến. Người thấy Tánh lập cũng được, không lập cũng được, đi lại tự do, không bị trề ngại, ứng dụng tùy việc làm, nói năng tùy đáp, khắp hiện hóa thân, chẳng lìa tự Tánh, liền được tự tại thân thông, du hí tam muội, ấy gọi là kiến tánh.”

Chí Thành lại thưa: “*Thế nào là nghĩa chẳng lập?*”.

Tổ bảo: “*Tự tánh không lỗi, không si, không loạn, niệm niệm Bát Nhã quán chiếu, thường lìa pháp tướng, tự do tự tại, dọc ngang trọn được, có gì nên lập? Tự tánh tự ngộ, đốn ngộ, đốn tu cũng không thứ lớp, cho nên chẳng lập tất cả pháp. Các Pháp là lạng lẽ, có thứ lớp gì?*”.

Chí Thánh liền lễ bái, nguyện làm người hầu hạ, sớm chiều không lười mỏi. Chí Thánh là người Thái Hòa Cát Châu.

Tăng Trí Triệt Quê ở Giang Tây, họ Trương tên

Hành Xương, thuở nhỏ là một hiệp khách. Từ khi chia ra hai tông Nam Bắc, hai vị Tông chủ tuy quên bì ngã, nhưng đồ chúng tranh nhau khởi yêu ghét. Khi ấy đệ tử của Bắc Tông tự lập Ngài Thần Tú làm Tổ thứ sáu mà kỳ (vi) Lục Tổ được truyền y, mọi người đều nghe nên mới dạy Hành Xương đến ám sát Lục Tổ. Tổ tâm thông dự biết việc ấy nên để mười lượng vàng ở dưới tòa. Khi ấy ban đêm Hành Xương vào trong thất Tổ, toan muốn hại Tổ, Tổ đưa cổ cho chém. Hành Xương liền hươi kiếm ba lần, thấy đều không thương tổn. Tổ bảo:

“Kiếm chẳng chẳng tà, kiếm tà chẳng chánh, chỉ nợ vàng của ông, không nợ mạng của ông”. Hành Xương hoảng hốt té xỉu, giày lâu mới tỉnh, cầu xin sám hối, liền nguyện xuất gia. Tổ liền cho vàng bảo: *“Ông hãy đi, e đồ chúng trở lại hại ông, một ngày khác ông có thể đổi hình dáng mà trở lại, tôi sẽ nhận ông”.* Hành Xương vâng lời dạy, giữa đêm trốn đi, sau theo tăng xuất gia, thọ giới cụ túc, tinh cần tu hành. Một hôm ông nhớ lại lời Tổ, từ xa đến lễ ra mắt Tổ. Tổ bảo: *“Tôi nhớ ông đã lâu, sao ông đến muộn vậy?”.*

Hành Xương thưa: *“Trước nhờ ơn Hòa Thượng xá tội, ngày nay tuy đã xuất gia khổ hạnh, trọn khó đền đáp ân đức, đâu mong được truyền pháp độ sanh ư? Đệ tử thường xem kinh Niết Bàn, chưa hiểu được nghĩa thường và vô thường, cúi xin Hòa Thượng từ bi lược vì giải nói”.*

Tổ bảo: *“Vô thường tức là Phật tánh, hữu thường tức là tâm phân biệt tất cả pháp thiện ác vậy”.*

Hành Xương thưa rằng: *“Hòa Thượng nói Pháp rất trái với văn kinh”.*

Tổ bảo: *“Ta được truyền tâm ấn của Phật, đâu dám*

trái với kinh Phật”.

Hành Xương thưa: “*Kinh nói Phật tánh là thường, Hòa Thượng lại nói vô thường, các pháp thiện ác cho đến tâm Bồ Đề đều là vô thường mà Hòa Thượng lại nói là thường, đây tức trái nhau, khiến cho học như cày thêm nghi ngờ*”.

Tổ bảo: “*Kinh Niết Bàn thuở xưa tôi có nghe Ni Vô Tận Tạng đọc một lần liền vì bà giảng nói, không có một chữ, một nghĩa nào không hiệp với văn kinh, cho đến vì ông nói cũng trọn không có hai thuyết*”.

Hành Xương thưa: “*Học như thức lượng cạn tối, cúi mong Hòa Thượng lượng theo mà từ bi khai thị*”.

Tổ bảo: “*Ông biết chăng, Phật tánh nếu thường lại nói vì là các pháp thiện ác, cho đến cùng kiếp không có người phát tâm Bồ Đề, nên tôi nói là vô thường, mà chính là đạo chơn thường của Phật nói. Lại tất cả pháp nếu là vô thường, tức mỗi vật đều có tự tánh, dung thọ sanh tử mà tánh chơn thường có chỗ bất biến, nên tôi nói thường chính là Phật nói nghĩa chân vô thường. Phật xưa vì phạm phu ngoại đạo chấp tà thường, còn các hàng nhị thừa thường mà chấp vô thường, cộng thành tám thứ điên đảo, nên trong giáo lý liễu nghĩa kinh Niết Bàn phá thiên kiến kia mà hiển bày chơn thường, chơn lạc, chơn ngã, chơn tịnh. Nay ông y theo lời nói mà trái với nghĩa, dùng đoạn diệt vô thường và xác định cái tử thường mà lầm hiểu lời nói mâu nhiệm viên diệu tối hậu của Phật, dù có xem một ngàn biến kinh thì có lợi ích gì?*”.

Hạnh Xương bỗng nhiên đại ngộ, liền nói kệ rằng:

*Vì giữ tâm vô thường,
Phật nói có tánh thường,*

*Không biết được phương tiện,
Như ao xuân mò gạch,
Nay tôi chẳng thi công,
Mà Phật tánh hiện tiền,
Không phải thấy trao cho,
Tôi cũng không sở đắc.”*

Tổ bảo: “*Nay ông mới triệt vậy, nên đặt tên ông là Chí Triệt*”. Chí Triệt lễ tạ mà lui.

Có một chú bé tên là Thần Hội ở Tương Dương, con nhà họ Cao, mười ba tuổi, từ chùa Ngọc Tuyền đến tham lễ.

Tổ bảo: “*Tri thức từ xa nhọc nhằn đến lại đem được cái gốc đến chẳng? Nếu có gốc thì nên biết được ông chủ, thử nói xem?*”.

Thần Hội thưa: “*Lấy vô trụ là gốc, thấy tức là chủ*”.

Tổ bảo: “*Ông Sa di này đâu nên nói như thế*”

Thần Hội liền hỏi: “*Hòa Thượng tọa thiền lại thấy hay chẳng thấy?*”.

Tổ cầm gậy đánh ba gậy hỏi: “*Tôi đánh ông đau hay chẳng đau?*”

Thần Hội đáp: “*Cũng đau cũng không đau*”.

Tổ bảo: “*Tôi cũng thấy cũng chẳng thấy*”.

Thần Hội hỏi: “*Thế nào là cũng thấy cũng chẳng thấy?*”.

Tổ bảo: “*Chỗ thấy của tôi thường thấy những lỗi lầm nơi tâm linh, không thấy phải quấy tốt xấu của người khác, ấy do cũng thấy mà cũng chẳng thấy. Ông nói cũng đau*”

cũng chẳng đau là thế nào? Nếu ông chẳng đau thì đồng như cây đá, nếu ông đau thì đồng với phàm phu, tức khởi sân hận, ông hướng về trước thấy và chẳng thấy là hai bên, đau chẳng đau là sanh diệt, ông tự tánh lại chẳng thấy mà dám đùa với người”.

Thần Hội liền lễ bái sám hối. Tổ lại nói: “*Tâm ông nếu mê chẳng thấy thì hỏi Thiện tri thức để tìm đường, còn tâm ông nếu ngộ tức tự thấy tánh, y pháp tu hành, ông tự mê không thấy tâm mình, trở lại hỏi ta thấy cũng chẳng thấy. Ta thấy thì tự biết há thay cái mê cho ông, nếu ông tự thấy cũng chẳng thay được cái mê cho ta, sao chẳng tự biết tự thấy mà hỏi ta thấy cùng chẳng thấy”.* Thần Hội lại lễ hơn một trăm lạy, xin sám hối tội lỗi rồi siêng năng hầu hạ bên cạnh không rời.

Một hôm Tổ bảo chúng: “*Tôi có một vật không đầu, không đuôi, không danh, không tự, không lưng, không mặt, các người lại biết chăng?”.*

Thần Hội bước ra nói rằng: “*Ấy là bốn nguyên, là Phật tánh, ông nhằm đi lấy cỏ tranh che đầu, cũng chỉ thành cái hạng tông đồ của tri giải”.*

Sau khi Tổ diệt độ, ngài Thần Hội vào Kinh Lạc, hoằng truyền pháp đốn giáo Tào Khê, viết bộ Hiển Tông Ký, thành hành ở đời gọi là Thiên sư Hà Trạch. Tổ thấy các tông nạn vắn nhau, đều khởi tâm ác, phần nhiều nhóm ở dưới tòa của Tổ, Ngài thương xót mới bảo rằng: “*Người học đạo, tất cả niệm thiện, niệm ác nên phải dẹp sạch, không tên có thể gọi, ấy gọi là tự tánh, tánh không hay ấy gọi là thật tánh, trên thật tánh dựng lập tất cả giáo môn, ngay lời nói liền phải tự thấy. Các người nghe nói, thấy đều làm lễ, xin thờ Ngài là thầy.*

CHƯƠNG VI PHÓ CHỨC

PHÓ CHỨC Một hôm Tổ gọi đệ tử là Pháp Hải, Chí Thành, Pháp Đạt, Thần Hội, Trí Thường, Trí Thông, Chí Triệt, Chí Đạo, Pháp Trân, Pháp Như v.v... bảo rằng: “Các ông không đồng với những người khác, sau khi tôi diệt độ, mỗi người làm thấy một phương, nay tôi dạy các ông nói pháp không mất bốn tông, trước phải dùng ba khoa pháp môn, động dụng thành ba mươi sáu đối, ra vào tức là hai bên, nói tất cả pháp chớ lìa tự tánh; chợt có người hỏi pháp, ông xuất lời nói trọn trong đối đãi, đều lấy pháp đối đi lại làm như cho nhau, cứu cánh hai pháp thấy đều trừ, lại không có chỗ đi. Ba khoa pháp môn là âm, giới, nhập vậy. Âm là ngũ âm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức; nhập là thập nhị nhập, ngoài có sáu trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, trong có sáu cửa là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; giới là thập bát giới, sáu trần, sáu cửa và sáu thức.

Tự tánh hay gồm muôn pháp gọi là hàm tàng thức, nếu khởi suy nghĩ tức là chuyển thức sang sáu thức ra sáu cửa, thấy sáu trần, như thế thành mười tám giới, đều từ nơi tự tánh khởi dụng. Tự tánh nếu tà thì khởi mười tám tà, tự tánh nếu chánh thì khởi mười tám chánh, gồm ác dụng tức là dụng chúng sanh, thiện dụng tức là dụng Phật, dụng do những gì? Do tự tánh mà có.

Đối pháp: Ngoại cảnh vô tình có năm đối: trời cùng đất đối, mặt trời cùng mặt trăng đối, sáng cùng tối đối, âm cùng dương đối, nước cùng lửa đối, đây là năm đối. Pháp tướng ngữ ngôn có mười hai đối: ngữ cùng pháp đối, có cùng không đối, có sắc cùng không sắc đối, có tướng cùng không tướng đối, hữu lậu cùng vô lậu đối, sắc cùng không đối,

động cùng tịnh đối, trong cùng đục đối, phạm cùng thánh đối, tăng cùng tục đối, già cùng trẻ đối, lớn cùng nhỏ đối, đây là mười hai đối vậy.

Tự tánh khởi dụng có mười chín đối: dài cùng ngắn đối, tà cùng chánh đối, si cùng hệ đối, ngu cùng trí đối, loạn cùng định đối, từ cùng độc đối, giới cùng lỗi đối, thẳng cùng cong đối, thật cùng hư đối, hiểm cùng bình đối, phiền não cùng bồ đề đối, thường cùng vô thường đối, bi cùng hại đối, hỷ cùng sân đối, xả cùng bôn sên đối, tiến cùng thoái đối, sanh cùng diệt đối, pháp thân cùng sắc thân đối, hóa thân cùng báo thân đối, đây là mười chín pháp đối vậy.

Tổ bảo: “Ba mươi sáu pháp đối này nếu hiểu mà dùng tức là đạo, quán xuyên tất cả kinh pháp, ra vào tức là hai bên, tự tánh động dụng, cùng người nói năng, ngoài đối với tướng mà lìa tướng, trong đối với không mà lìa không, nếu toàn chấp không tức tăng trưởng vô minh, người chấp không là có chệ bai kinh. Nói thẳng chẳng dùng văn tự, đã nói chẳng dùng văn tự thì người cũng chẳng nên nói năng, chỉ lời nói năng này liền là tướng văn tự; lại bảo: nói thẳng chẳng lập tự tức hai chữ chẳng lập này cũng là văn tự, thấy người nói liền chệ bai người ta nói là chấp văn tự. Các ông nên biết tự mình mê thì còn khả dĩ, lại chệ bai kinh Phật, không nên chệ bai kinh vì đó là tội chương vô số. Nếu chấp tướng bên ngoài mà tác pháp cầu chơn, hoặc rộng lập đạo tràng, nói lời lầm có không, những người như thế nhiều kiếp không thể thấy tánh; chỉ nghe y pháp tu hành, lại chớ có trăm vật chẳng nghĩ, mà đối với đạo tánh sanh chương ngại; nếu nghe nói chẳng tu khiến người biến sanh tà niệm, chỉ y pháp tu hành, bỏ thí pháp mà không trụ tướng.

Các ông nếu ngộ, y đây là nói, y đây mà dùng, y đây

mà hành, y đây mà tạo tác, tức không mất bốn tông.

Nếu có người hỏi nghĩa ông, hỏi có thì đem không đáp, hỏi không thì đem có đáp, hỏi phạm thì đem thánh đáp, hỏi thánh lấy phạm đáp, hai bên làm nhơn cho nhau sanh ra nghĩa trung đạo, như một hỏi một đáp, bao nhiêu câu hỏi khác đều y đây mà khởi tác dụng, tức không mất chân lý. Giả sử có người hỏi sao gọi là tối thì đáp rằng: sáng là nhơn, tối là duyên, sáng mất tức là tối, dùng sáng để hiểu tối, dùng tối để hiểu sáng, qua lại làm nhơn cho nhau thành nghĩa trung đạo, ngoài ra hỏi những câu khác thấy đều như đây mà đáp. Các ông về sau truyền pháp y đây mà chỉ dạy cho nhau, chớ làm mất tông chỉ”.

Vào niên hiệu Thái Cực năm Nhâm Tý, Diên Hòa tháng Bảy (712 DL), Tổ sai đệ tử đến Tân Châu, chùa Quốc Ân dựng tháp và khiến thợ khởi công gập, năm kế cuối mùa Hạ lạc thành, ngày mùng Một tháng Bảy Tổ họp đồ chúng bảo rằng: “Tôi đến tháng 8 muốn lìa thế gian, các ông có nghi phải hỏi nhau sớm, tôi vì các ông phá nghi khiến các ông dứt mê, nếu tôi đi rồi, sau không có người dạy các ông”. Ngài Pháp Hải v.v... nghe Tổ nói thấy đều rơi lệ chỉ có Thần Hội thần tình bất động, cũng không có khóc.

Tổ bảo: “Thần Hội tiểu sư lại được thiện bất thiện cùng đồng, khen chê chẳng động, vui buồn chẳng sanh, ngoài ra đều không được, ở trong núi mấy năm, cứu cánh tu đạo gì? Nay các ông buồn khóc là vì lo cho ai? Nếu lo ta chẳng biết chỗ đi thì ta tự biết chỗ đi, nếu ta chẳng biết chỗ đi thì trọn không báo trước cho các ông, các ông buồn khóc bởi vì chẳng biết chỗ đi của ta, nếu biết chỗ đi của ta tức không nên buồn khóc. Pháp tánh vốn không sanh diệt đi lại, các ông ngồi đây ta sẽ vì các ông mà nói một bài kệ gọi là “**Chơn**

giả động tịnh” kệ. Các ông tụng bài này cùng với ta ý đồng, ý đây mà tu hành thì không mất tông chỉ”.

Chúng tăng đều làm lễ, Tổ nói kệ rằng:

*Tất cả không có chơn,
Nếu thấy được cái chơn,
Nếu hay tự có chơn,
Tự tâm không lìa giả,
Hữu tình tức biết động,
Nếu tu hạnh bất động,
Nếu tìm chơn bất động,
Bất động là bất động,
Hay khéo phân biệt tướng,
Chỉ khởi cái thấy này,
Bảo những người học đạo,
Chớ đổi pháp đại thừa,
Nếu bàn luận tương ưng,
Nếu thật không tương ưng,
Tông này vốn không tranh,
Chấp nghịch tranh pháp môn,
Chẳng do thấy nơi chơn,
Thấy đó trọn không chơn,
Lìa giả tức tâm chơn,
Không chơn chỗ nào chơn,
Vô tình tức không động.
Đông vô tình bất động.
Trên động có bất động,
Vô tình không Phật tánh.*

*Đệ nhất nghĩa bất động,
Là dụng của chơn như.
Gắng sức phải dụng tâm,
Lại chấp trí sanh tử.
Liền cùng bàn nghĩa Phật,
Chấp tay khiến hoan hỉ.
Tranh tức mất ý đạo,
Tự tánh vào sanh tử.*

Khi ấy đồ chúng nghe Tổ nói kệ rồi thầy đều làm lễ biết rõ ý Tổ, mỗi người nhiếp tâm, y theo pháp tu hành, lại không dám tranh cãi, biết Tổ không còn ở đời bao lâu, Thượng Tọa Pháp Hải lại đánh lễ hỏi rằng: “*Sau khi Hòa Thượng nhập diệt, y pháp sẽ trao cho người nào?*”.

Tổ bảo: “*Tôi ở chùa Đại Phạm nói Pháp cho đến ngày nay, sao chép để lưu hành, gọi là Pháp Bảo Đàn Kinh, các ông gìn giữ, truyền trao cho nhau, độ các quần sanh, chỉ y nơi lời nói này, ấy gọi là chánh pháp, nay vì các ông nói pháp chớ chẳng trao y, bởi vì các ông tin căn đã thuần thực, quyết định không còn nghi ngờ, kham nhận được đại sự...*”

■ Theo Pháp Bảo Đàn Kinh của TT- T.T.T.

LỜI KẾT

Xuyên qua những phần chương đã trình bày trên về phương diện triết lý, Đạo Cao Đài nhìn nhận những nguyên tắc cơ bản của Tam giáo sau đây:

1. **PHẬT GIÁO:** Luật nhân quả: nghiệp báo, luân hồi. Tam học: giới định huệ trong đó có bát chánh đạo, ngũ giới cấm. Tam qui: Phật, Pháp Tăng, từ bi bác ái.
2. **LÃO GIÁO:** Thuyết Tam bửu, ngũ hành, tu tâm, luyện tánh, quan niệm về Đạo.
3. **KHỔNG GIÁO:** Thuyết Trung dung, thuyết biến dịch, tam cang ngũ thường. Tam đức: trí, nhân, dũng. Sự thờ kính tổ tiên...

Triết học Cao Đài tích hợp (thừa kế có phát huy) để giải quyết những vấn đề cụ thể vào cuộc đời, chớ không phải là những khái niệm trừu tượng hay những giáo lý viển vông.

Nói một cách khác, tư tưởng của Khổng Tử ngày nay được dân chúng Á Đông xem như là khuôn vàng thước ngọc dẫn tới cuộc sống thịnh vượng no ấm và phát triển kinh tế.

Ngài là “*vạn thế sư biểu*” nhà giáo muôn đời. Ngài là cha đẻ của quan niệm bình đẳng trong lịch sử loài người, chớ không phải đợi đến Bản tuyên ngôn nhân quyền 1789 của Pháp. Ngài vang danh với câu “*hữu giáo vô loại*” (Luận ngữ), nghĩa là giáo dục không phân biệt giai cấp, chủng

tộc giữa người với người.

Ngài nói đến tam hệ: Trời, đất, người với các đệ tử như vậy: “*Trời có Đạo Trời, thiên nhiên có đạo thiên nhiên và người có đạo người. Các đạo ấy cùng có cái lý nhất quán là Đạo Nhân “Ngô Đạo nhất dĩ quán chi”.*”

*Lập Thiên chi Đạo viết Âm Dương
Lập Địa chi Đạo viết Nhu dữ Cường
Lập Nhân chi Đạo viết Nhân dữ Nghĩa
Kiếm Tam Tài nhi lưỡng chi.*

Nghĩa là:

Dựng đạo Trời có nguyên lý Âm Dương
Dựng đạo Đất có nguyên lý Nhu Cường
Dựng đạo Người có nguyên lý Nhân Nghĩa
Bao hàm Tam Tài mà có hai mặt tương đối.

Sách Trung Dung gồm 33 chương. Chương đầu nói về đạo “*Trung*” vốn ở trời mà sẵn ở người.

1. Từ chương 2 đến chương 11 dẫn lời Đức Khổng Tử về đạo Trung Dung và tam đức : trí, nhân, dũng.
2. Từ chương 12 đến chương 20 là lời Tử Tư dẫn lời Đức Khổng Tử, nói về cái dụng và cái thể mẫu nhiệm của Đạo.
3. Từ chương 21 đến chương 32 lời Tử Tư nói về đức thành và linh diệu của nó.

Chương cuối, kết luận cái đức của người quân tử ở chính mình. Để đạt được đức chính nhân của người quân tử, Khổng Tử đã phải tu thân qua các giai đoạn sau:

*Ngô thập ngũ chí ư học,
Tam thập nhi lập,
Tứ thập nhi bất hoặc,
Ngũ thập nhi tri thiên mệnh,
Lục thập nhi nhĩ thuận,
Thất thập nhi tòng tâm, sở dục bất du cử.*

Nghĩa là:

Ta mười lăm tuổi chuyên học,
Ba mươi lập chí vững,
Bốn mươi không ngờ vực,
Năm mươi biết mệnh trời,
Sáu mươi nghe thuận lẽ trời,
Bảy mươi lòng muốn không vượt đạo lý.

Đó là đạo làm Người của Đức Khổng Tử, thiết nghĩ, chúng ta nên lấy đó làm mẫu mực để noi theo.

* * *

Về Lão giáo, ngay chương I trong Đạo Đức Kinh, Lão Tử cho rằng khi ta định cho vật một cái tên là ta tự làm cho ta xa lìa với cái “*chân diện mục*”. Hãy nghe:

*Đạo khả đạo phi thường đạo
Danh khả danh phi thường danh.*

Trong chương II, Ngài quan niệm rằng không có cái gì ở đời này mang ý nghĩa tuyệt đối cả, chỉ có tương đối mà thôi.

*Hữu vô tương sanh,
Nan dị tương thành,*

*Trường đoản tương hình,
Cao hạ tương khuynh,
Âm thanh tương hòa,
Tiên hậu tương tùy.*

Nơi chương 70, Đức Lão Tử lại than: Lời nói của ta rất dễ nghe, dễ làm. Thế mà trong thiên hạ không ai hiểu, không ai làm.

Bởi lẽ, đạo của Ngài rất khó, thường đụng đến lòng ích kỷ của con người, nên thấy hay mà muốn thực hiện thì không ai làm nổi. Ngài dạy muốn đánh đổ lòng tham lam ích kỷ, thì phải biết “đủ”, biết “dừng” lại, “bớt chỗ dư bù chỗ thiếu” (chương 77) và “Không tự cho mình là sáng, không tự xem mình là phải, không tự hào và khoe khoang” (chương 22).

Tất một lời, Lão Tử cho Đạo là một nguyên lý rất huyền diệu, siêu hình, bất khả tư nghị. Nhờ đó sinh ra Trời đất và vạn vật rồi trở về Đạo, cứ đó đi về về mãi như vậy. Con người muốn đạt được Đạo thì nên “*thanh tĩnh vô vi*”, phải tuyệt biết nghĩ ngợi, hết ham muốn và quên cả thân mình để lòng được thanh thản bình lặng, phó mặc cho tự nhiên giới, không phải nhọc trí, nhọc sức. Sở dĩ con người lo nghĩ, khổ sở vì muốn hành động mà nguồn gốc của hành động là dục tình. Nếu dứt được dục tình thì không còn hành động sẽ bớt lo nghĩ khổ sở. Nhờ đó tâm hồn được thanh thản an nhàn.

René Bertrand nhận xét Đức Lão Tử thế này: “*Vài dòng chữ hợp thành quyển sách ấy (Đạo Đức Kinh) chứa đựng tất cả sự khôn ngoan trên quả đất này*” (Sagesse perdue, trang 305).

Để kết luận về nhà hiền triết Á Đông này xin mượn lời nhận xét của E.V. Zenker, một học giả phương Tây như sau:

«Lão Tử do hoàn cảnh xã hội tạo nên nhưng ông vượt ra ngoài con đường mà các nhà tư tưởng Trung Hoa trước kia đã đi. Việc làm phi thường của ông là ông đã hoàn toàn tách mình ra khỏi hoàn cảnh xã hội của ông, luôn cả con người và giáo lý của ông, vượt lên mọi tư tưởng và hoàn cảnh giới hạn để trở thành một nhà tư tưởng «Vượt thời gian» hơn hẳn những triết gia Trung Hoa».

* * *

Về Phật giáo: Kinh tạng, luật tạng, luận tạng nhiều sách đã luận bàn. Ở đây chỉ nói về “*Pháp Bảo Đàn Kinh*” của Lục Tổ Huệ Năng.

Nội dung sách chỉ giải về cách tu thiền của Lục Tổ trùng hợp với quan niệm tu tịnh của đạo Cao Đài, qua bài giảng cơ của Bà Bát Nương Diêu Trì Cung:

“Phải tìm cho được cái tịnh trong cái động”. Hành giả Cao Đài *“Muốn tịnh lúc nào cũng được”* (Luật Tam thể, trang 168).

Trong PBĐK Lục Tổ dạy: *“Pháp môn tọa thiền này vốn không chấp nơi tâm, cũng không chấp nơi tịnh, cũng chẳng phải chẳng động. Nếu nói chấp tâm, tâm vốn là vọng. Nếu nói chấp tịnh, tánh người vốn là tịnh vì vọng niệm che đậy chơn như”*.

Có người hỏi Lục Tổ: *“Nếu ở cõi này mà thấy được đâu cần phải nguyện vãng sanh?”*

Lục Tổ dạy rằng: *“Phật nằm ở trong tánh mà tạo,*

chớ hướng ra ngoài mà cầu. Tự tánh mê tức là chúng sanh, tự tánh giác tức là Phật, từ bi tức là Quan Thế Âm, hỉ xả gọi là Đại Thế Chí, hay tịnh tức là Đức Thích Ca, bình trực tức là Phật Di Đà. Nhân ngã ấy là Tu Di, tà tâm là biển độc, phiền não là sóng mòi, độc hại là rồng dữ, hư vọng là quỷ thần, trần lao là rùa trạnh, tham sân là địa ngục, ngu si là súc sanh. Nay Thiện tri thức! Thường làm mười điều lành thì thiên đường liền đến”.

Hội ý lời Lục Tổ dạy, người trong thế gian này ai cũng tu được, ai cũng thiền được nếu hành được “*thập thiện*” thì cửa Thiên đường mở rộng chờ đón rước hành giả vào cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

TVR

CÁC CỔ PHÁP
ĐẠI ĐẠO

Tác giả:
HIỂN TÀI
TRẦN VĂN RẠNG